

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc công bố thông tin

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

- Mã chứng khoán: DNH
- Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường B'Lao, tỉnh Lâm Đồng
- Điện thoại liên hệ: 0263 728171 Fax: 0263 866457
- Email: phuocqt@dhd.com.vn; trusochinh@dhd.com.vn

2. Loại thông tin công bố

☒ định kỳ ☐ bất thường 24h ☐ theo yêu cầu

3. Nội dung thông tin công bố

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Công ty) công bố thông tin về Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (theo file đính kèm).

4. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại đường dẫn: www.dhd.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CTHĐQT (để b/c);
- Các PTGD;
- BKS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Văn Cường

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2024;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Biên bản số 551/BB-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi về việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 tại Báo cáo số 162/BC-TĐĐHĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả thực hiện năm 2025

a) Kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2025

STT	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH
I	SẢN LƯỢNG ĐIỆN (Triệu kWh)			
1	Sản lượng điện sản xuất	2.879,64	3.202,80	111,2%
2	Sản lượng điện thương phẩm	2.860,24	3.184,20	111,3%
II	TỔNG DOANH THU (Tr. đồng)	1.967.510	2.277.023	115,7%
1	Doanh thu hoạt động sản xuất điện (bao gồm lãi tiền gửi)	1.934.202	2.242.571	115,9%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	27.216	27.678	101,7%
3	Doanh thu khác	6.092	6.774	111,2%
III	TỔNG CHI PHÍ (Tr. đồng)	1.161.725	1.179.634	101,5%

STT	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH
1	Chi phí hoạt động sản xuất điện (gồm các khoản làm tăng giảm giá điện)	1.156.242	1.174.060	101,5%
	<i>Trong đó: Lãi (Lỗ) chênh lệch tỷ giá</i>	<i>(60.511)</i>	<i>(42.861)</i>	<i>70,8%</i>
2	Chi phí hoạt động tài chính	-	-	
3	Chi phí khác	5.483	5.574	101,7%
IV	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Tr. đồng)	805.785	1.097.389	136,2%
1	Lợi nhuận hoạt động SXKD điện	777.960	1.068.511	137,3%
2	Lợi nhuận hoạt động tài chính	27.216	27.678	101,7%
3	Lợi nhuận khác	609	1.200	197,0%
V	LỢI NHUẬN SAU THUẾ (Tr. đồng)	644.628	883.160	137,0%

b) Kết quả đầu tư xây dựng (ĐT XD) - Đầu tư phát triển (ĐTPT) năm 2025

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH
1	Công tác ĐT XD	Tr.đồng	100.193	100.646	100,45%
1.1	Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	Tr.đồng	49.698	49.259	99,12%
	<i>Trả nợ gốc</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>49.698</i>	<i>49.259</i>	<i>99,12%</i>
1.2	Dự án Nhà máy điện Mặt trời Đa Mi	Tr.đồng	50.495	51.387	101,77%
	<i>Trả nợ gốc</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>50.495</i>	<i>51.387</i>	<i>101,77%</i>
2	Đầu tư, mua sắm tài sản cố định sử dụng nguồn vốn ĐTPT, KHCĐ	Tr.đồng	38.907	23.578	60,6%
Tổng cộng		Tr.đồng	139.100	124.224	89,31%

2. Kế hoạch SXKD - ĐTPT - Tài chính năm 2026

a) Kế hoạch SXKD năm 2026

- Các chỉ tiêu SXKD - Tài chính năm 2026

STT	Nội dung	ĐVT	Giá trị
I	SẢN LƯỢNG ĐIỆN		
1	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.927,9
2	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.907,7
II	TỔNG DOANH THU	Tr.đồng	1.968.505
III	TỔNG CHI PHÍ	Tr.đồng	1.197.428
IV	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tr.đồng	771.077
V	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Tr.đồng	616.862
VI	CỔ TỨC	%	13

- Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và vận hành thị trường điện:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Tỷ lệ điện tự dùng	%	0,69
2	Hệ số khả dụng	%	95,08
3	Tỷ lệ dừng máy do sự cố	%	0,05 (mùa lũ: 0%)
4	Tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng	%	4,87
5	Doanh thu bán điện tăng thêm	Tỷ đồng	91

b) Kế hoạch ĐTXD - ĐTPT năm 2026

STT	Nội dung	ĐVT	Giá trị
1	Kế hoạch ĐTXD	Tr.đồng	147.326
1.1	Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim (Giai đoạn 1)	Tr.đồng	85.854
-	<i>Trả nợ gốc</i>	Tr.đồng	58.334
-	<i>Thanh toán chi phí tư vấn giám sát phần khoan nổ</i>	Tr.đồng	27.521
1.2	Dự án NMTĐ Mặt trời Đa Mi	Tr.đồng	52.957
	<i>Trả nợ gốc</i>	Tr.đồng	52.957
1.3	Dự án thủy điện Đa Nhim mở rộng (giai đoạn 2)	Tr.đồng	3.035
1.4	Dự án cải tạo, nâng cấp Ngăn lộ 110kV/220kV Hàm Thuận		-
1.5	Dự án cải tạo, nâng cấp Ngăn lộ 220KV Đa Mi		-
1.6	Dự án nâng cấp thiết bị trạm phân phối điện 220kV/110KV NMTĐ Đa Nhim		-
1.7	Dự án cải tạo, nâng cấp Đường nội bộ công trình đập Đơn Dương - Hạng mục: Cầu sắt hạ lưu đập Đơn Dương	Tr.đồng	4.998
1.8	Dự án xây dựng nhà trực bảo vệ kho Tư vấn Hàm Thuận và đập phụ số 4 Hàm Thuận	Tr.đồng	480
2	Kế hoạch mua sắm TSCĐ	Tr.đồng	27.433
2.1	Danh mục chuyển tiếp	Tr.đồng	15.964
2.2	Danh mục đăng ký mới năm 2026	Tr.đồng	11.468
Tổng cộng (1+2)		Tr.đồng	174.758

Điều 2. Thông qua Báo cáo về tình hình quản trị Công ty năm 2025 và kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026. Giao Hội đồng quản trị Công ty tổ chức triển khai thực hiện và quyết định các vấn đề, nội dung phát sinh ngoài kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2026 thông qua, hoặc các vấn đề nội dung cấp bách cần triển khai thực hiện trước khi ĐHĐCĐ thường niên thông qua kế hoạch SXKD của

năm 2027 được tổ chức, trừ các trường hợp bắt buộc phải được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua tại cuộc họp.

Điều 3. Thông qua Báo cáo về kết quả hoạt động năm 2025 của Ban kiểm soát.

Điều 4. Thông qua ủy quyền cho HĐQT phối hợp với Ban kiểm soát lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.

Điều 5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Điều 6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền (Đồng)
I	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	891.321.359.930
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	883.159.892.328
2	Lợi nhuận năm trước giữ lại	8.161.467.602
II	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	874.181.142.000
1	Phân phối các quỹ	29.381.142.000
	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	29.381.142.000
2	Chia cổ tức bằng tiền	844.800.000.000
a	Tỷ lệ cổ tức	20,0%
b	Cổ tức	844.800.000.000
	<i>Trong đó: đã tạm ứng 14%</i>	<i>591.360.000.000</i>
III	LỢI NHUẬN CÒN LẠI SAU KHI PHÂN PHỐI	17.140.217.930

Điều 7. Thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025, kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của HĐQT và Ban kiểm soát, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số người	Thực hiện 2025 (Đồng)	Kế hoạch 2026 (Đồng)
I	TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		1.371.596.000	1.536.000.000
1	Tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	1.031.560.000	1.152.000.000
2	Thù lao của Thành viên HĐQT không chuyên trách	2	340.036.000	384.000.000

II	TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT		1.194.472.000	1.348.800.000
1	Thù lao Trưởng Ban Kiểm soát không chuyên trách	1	174.315.000	196.800.000
2	Tiền lương Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách	1	850.139.000	960.000.000
3	Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách	1	170.018.000	192.000.000
	TỔNG CỘNG (I+II)		2.566.068.000	2.884.800.000

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phê duyệt quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026 trước ngày 31 tháng 3 năm 2027 và báo cáo ĐHĐCĐ ở kỳ họp gần nhất.

Điều 8. Thông qua kết quả bầu cử ông Phạm Viết Kỳ trúng cử Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Điều 9. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện theo chức năng nhiệm vụ, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty./.

Nơi nhận:

- Như Điều 9;
- Các cổ đông;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



**CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Văn Quang**

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 1
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 551/BB-ĐHĐCĐ

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 4 năm 2026

BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Tên công ty: Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Mã chứng khoán: DNH

Thời gian: Từ 08 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, ngày 24 tháng 4 năm 2026.

Địa điểm: Tại Hội trường Công ty, số 80A Trần Phú, phường B'Lao, tỉnh Lâm Đồng.

Phần I

KHAI MẠC ĐẠI HỘI

I. KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Ông Lê Xuân Phong, Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, cụ thể như sau:

Tổng số cổ đông sở hữu và đại diện ủy quyền có mặt tham dự Đại hội đại diện cho 422.170.759 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 99,95% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, sau khi kiểm tra, các cổ đông đều đủ tư cách tham dự Đại hội và Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 đủ điều kiện tiến hành theo quy định.

II. THÀNH PHẦN ĐOÀN CHỦ TỊCH, THƯ KÝ ĐẠI HỘI, BAN KIỂM PHIẾU

1. Đoàn Chủ tịch

- Ông Lê Văn Quang, Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa đại hội.
- Ông Đặng Văn Cường, Thành viên HĐQT - Thành viên.
- Ông Đỗ Minh Lộc, Thành viên HĐQT - Thành viên.

2. Thư ký Đại hội

- Ông Ngô Xuân Tình, Thư ký Công ty.
- Bà Nhâm Thị Huyền Thao, Nhân viên Phòng Tài chính và Kế toán.

3. Ban kiểm phiếu

Đại hội nhất trí thông qua danh sách Ban kiểm tra kết quả biểu quyết và bầu cử Ban kiểm soát với tỷ lệ tán thành 100%, bao gồm các thành viên sau:

- Ông Lê Xuân Phong, Phó Trưởng phòng Tài chính và Kế toán - Trưởng ban.
- Ông Đặng Như Tấn, Nhân viên Phòng Hành chính và Lao động - Thành viên.
- Ông Nguyễn Lê Minh, Nhân viên Phòng Hành chính và Lao động - Thành viên.
- Bà Lê Tạ Hải Lan, Nhân viên Phòng Kế hoạch và Vật tư - Thành viên.

Phần II NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Các Báo cáo và Tờ trình được trình bày tại Đại hội:

1. Ông Đặng Văn Cường, Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Công ty trình bày Báo cáo số 162/BC-TĐĐHĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 về Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.
2. Ông Lê Văn Quang, Chủ tịch Hội đồng quản trị trình bày Báo cáo số 157/BC-TĐĐHĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị Công ty năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.
3. Bà Đinh Hải Ninh, Trưởng Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo số 06/BC-BKS ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2025 của Ban kiểm soát; Tờ trình số 07/TTr-BKS ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
4. Ông Ngô Thế Long, Kế toán trưởng Công ty trình bày Tờ trình số 163/TTr-TĐĐHĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng quản trị về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025; Tờ trình số 164/TTr-TĐĐHĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng quản trị về việc thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.
5. Ông Trịnh Quang Tiến Phước, Trưởng phòng Hành chính và Lao động trình bày Tờ trình số 158/TTr-TĐĐHĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng quản trị về việc thông qua Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của HĐQT và Ban Kiểm soát; Tờ trình số 159/TTr-TĐĐHĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng quản trị về việc đề cử bầu Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Phần III Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG

Tại Đại hội, Ban tổ chức đã trình bày các Báo cáo, Tờ trình như nội dung ở Phần II. Cổ đông không có ý kiến về Báo cáo, Tờ trình được trình bày tại Đại hội.

Phần IV KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

STT	Nội dung biểu quyết	Kết quả	Tỷ lệ
1	Thông qua Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.	- Số cổ phần tán thành: 422.170.759 - Số cổ phần không tán thành: 0 - Số cổ phần không có ý kiến: 0	100,00% 0,00% 0,00%
2	Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị Công ty năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.	- Số cổ phần tán thành: 422.170.759 - Số cổ phần không tán thành: 0 - Số cổ phần không có ý kiến: 0	100,00% 0,00% 0,00%
3	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát.	- Số cổ phần tán thành: 422.170.759 - Số cổ phần không tán thành: 0 - Số cổ phần không có ý kiến: 0	100,00% 0,00% 0,00%
4	Thông qua ủy quyền cho HĐQT phối hợp với Ban kiểm soát lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.	- Số cổ phần tán thành: 422.170.759 - Số cổ phần không tán thành: 0 - Số cổ phần không có ý kiến: 0	100,00% 0,00% 0,00%
5	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025.	- Số cổ phần tán thành: 422.170.759 - Số cổ phần không tán thành: 0 - Số cổ phần không có ý kiến: 0	100,00% 0,00% 0,00%
6	Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.	- Số cổ phần tán thành: 422.170.759 - Số cổ phần không tán thành: 0 - Số cổ phần không có ý kiến: 0	100,00% 0,00% 0,00%
7	Thông qua Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của HĐQT và Ban Kiểm soát.	- Số cổ phần tán thành: 422.170.759 - Số cổ phần không tán thành: 0 - Số cổ phần không có ý kiến: 0	100,00% 0,00% 0,00%
8	Thông qua danh sách đề cử bầu Thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2026 - 2031.	- Số cổ phần tán thành: 422.170.759 - Số cổ phần không tán thành: 0 - Số cổ phần không có ý kiến: 0	100,00% 0,00% 0,00%



EVNGENCO1
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐÀ MI

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐÀ MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường B' Lao, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn; website: <https://www.dhd.com.vn>

436
TỶ
ÁN
ĐA NH
I: UẬN
II
ĐỒNG

Phần V**KẾT QUẢ BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Đại hội tiến hành bầu thành viên Ban Kiểm soát, kết quả như sau: Ông Phạm Viết Kỳ trúng cử thành viên Ban Kiểm soát với số phiếu là 422.170.759 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Phần VI**THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI**

Ông Ngô Xuân Tình - Thư ký Đại hội trình bày Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Đại hội nhất trí thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Vào lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày, ông Lê Văn Quang - Chủ tọa đã tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

Biên bản này được lập thành 02 bản và được lưu tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2026;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Văn Quang

THƯ KÝ ĐẠI HỘI


Ngô Xuân Tình

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2025
và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 -
Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Phần I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ DÀI HẠN

1. Tiếp tục triển khai công tác cải tạo, phục hồi, nâng cấp hệ thống thiết bị, công trình các nhà máy điện của Công ty.
2. Tổ chức triển khai thực hiện Dự án nhà máy thủy điện Đa Nhim mở rộng (Giai đoạn 2) với công suất 80MW giai đoạn 2025-2030 sau khi được Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp nhận nhà đầu tư.

Phần II
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH
(SXKD) NĂM 2025

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Tình hình thủy văn

Trong năm 2025, tình hình thủy văn thuận lợi, lưu lượng nước về các hồ cao hơn so với kế hoạch. Lưu lượng trung bình nước về các hồ năm 2025 như sau: Hồ Đơn Dương là 41,51 m³/s, cao hơn năm 2024 và cao hơn trung bình nhiều năm (TBNN) (năm 2024: 25,30 m³/s, TBNN: 23,10 m³/s); hồ Hàm Thuận là 56,75 m³/s, cao hơn năm 2024 và TBNN (năm 2024: 46,90 m³/s; TBNN: 51,66 m³/s). Chi tiết như sau:

STT	Nội dung	Hồ Đơn Dương		Hồ Hàm Thuận	
		2024	2025	2024	2025
1	Lưu lượng vào hồ (m ³ /s)	25,30	41,51	46,90	56,75
2	Lưu lượng chạy máy (m ³ /s)	20,49	24,25	44,35	51,72

3	Lưu lượng nước xả trung bình (m ³ /s)	4,41	16,80	1,78	4,20
4	Tổng lượng nước xả (triệu m ³)	139,43	529,85	56,42	132,32
5	Mức nước hồ đầu kỳ (m)	1042,00	1042,00	604,96	605,00
6	Mức nước hồ cuối kỳ (m)	1042,00	1042,02	605,00	605,05

2. Công tác sản xuất điện

Theo Nghị quyết số 617/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông năm 2025 phê duyệt kế hoạch (KH) sản lượng điện năm 2025 là 2.879,64 triệu kWh (Tr.kWh), thực hiện (TH) là 3.202,70 Tr.kWh đạt 111,22% so với kế hoạch. Chi tiết như sau:

STT	Nội dung	KH 2025 (Tr.kWh)	TH 2025 (Tr.kWh)	TH/KH (%)	TH 2024 (Tr.kWh)	TH 2025/TH 2024 (%)
1	Sản lượng điện sản xuất	2.879,64	3.202,70	111,22	2.745,52	116,65
2	Sản lượng điện thương phẩm	2.860,24	3.184,18	111,33	2.728,08	116,72

3. Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và vận hành thị trường điện

STT	Chỉ tiêu	KH 2025	TH 2025	TH/KH (%)	Đánh giá (Đ/KĐ)
1	Tỷ lệ điện tự dùng (%)	0,69	0,58	84,06	Đạt
2	Hệ số khả dụng (%)	93,84	95,96	102,26	Đạt
3	Tỷ lệ dừng máy sự cố (%)	0,5	0,0011	0,22	Đạt
4	Tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng (%)	5,66	4,04	71,36	Đạt
5	Doanh thu bán điện tăng thêm (Triệu đồng)	90,02	218,58	242,81	Đạt

4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	1.967.510	2.277.023	115,7

	- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh điện (bao gồm lãi tiền gửi)	1.934.202	2.242.571	115,9
	- Doanh thu hoạt động tài chính	27.216	27.678	101,7
	- Doanh thu khác	6.092	6.774	111,2
2	Tổng chi phí	1.161.725	1.179.634	101,5
	- Chi phí hoạt động sản xuất điện (gồm các khoản làm tăng giảm giá điện)	1.156.242	1.174.060	101,5
	<i>Trong đó: Lỗ/Lãi (Chênh lệch tỷ giá)</i>	<i>(60.511)</i>	<i>(42.861)</i>	-
	- Chi phí hoạt động tài chính	-	-	-
	- Chi phí khác	5.483	5.574	101,7
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	805.785	1.097.389	136,2
	- Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh điện	777.960	1.068.511	137,3
	- Lợi nhuận hoạt động tài chính	27.216	27.678	101,7
	- Lợi nhuận khác	609	1.200	197,0
4	Lợi nhuận sau thuế	644.628	883.160	137,0
5	Cổ tức (%)	14	20	142,9

- Tổng chi phí thực hiện 1.179.634 triệu đồng, tương đương 101,5% kế hoạch. Chi phí tăng do các chi phí biến đổi theo sản lượng tăng (thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường, phí cấp quyền khai thác, quỹ tiền lương); còn lại các chi phí khác đều giảm so với kế hoạch.

- Lợi nhuận sau thuế: đạt 883.160 triệu đồng, tương đương 137,0 % kế hoạch. Với kết quả đạt được thì kế hoạch chia cổ tức 2025 vượt kế hoạch.

- Cổ tức: Hội đồng quản trị đề xuất mức cổ tức năm 2025 là 20% đạt 142,86% so với kế hoạch năm.

II. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG - MUA SẴM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

1. Công tác đầu tư xây dựng (ĐTXD)

1.1 Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim (DNEX)

a) Tình hình giải ngân

Trong năm 2025, Công ty đăng ký kế hoạch là 49.698 triệu đồng. Thực hiện năm 2025 là 49.259 triệu đồng tương đương 99,12% kế hoạch năm. Chi tiết như sau:

Hạng mục	Kế hoạch (Triệu đồng)	Thực hiện (Triệu đồng)	TH/KH (%)
Trả nợ gốc	49.698	49.259	99,12
Tổng cộng	49.698	49.259	99,12

b) Tình hình thực hiện

- VIAC đã có phán quyết tranh chấp vi phạm nghĩa vụ về thời gian hoàn thành công trình của Hợp đồng số 368/DHD-CC47; Công ty đã đệ trình đơn hủy phán quyết VIAC tại Tòa án.

- HĐTV Tổng công ty Phát điện 1 đã thông qua việc thanh toán đợt 19 theo Phụ lục số 06 của Hợp đồng Tư vấn giám sát Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim. Công ty đã báo cáo Bộ Công Thương và triển khai thanh toán trong Quý I năm 2026.

- Về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư: Công ty ĐHD tiếp tục kiến nghị Bộ Công Thương xem xét điều chỉnh chủ trương đầu tư.

1.2. Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi

Trong năm 2025, Công ty đăng ký kế hoạch giải ngân trả nợ gốc là 50.495 triệu đồng, thực hiện là 51.387 triệu đồng, tương đương 101,77% kế hoạch năm. Thực hiện tăng so với kế hoạch do tỷ giá tăng. Chi tiết như sau:

STT	Hạng mục	Kế hoạch (Triệu đồng)	Thực hiện (Triệu đồng)	TH/KH (%)
------------	-----------------	----------------------------------	-----------------------------------	------------------

	Trả nợ gốc	50.495	51.387	101,77
	Tổng cộng	50.495	51.387	101,77

1.3 Dự án nhà máy thủy điện Đa Nhim mở rộng (Giai đoạn 2)

Công ty ĐHD đã trình Hồ sơ đề nghị UBND tỉnh Khánh Hòa xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư.

2. Các hạng mục mua sắm tài sản cố định (TSCĐ)

Trong năm 2025, kế hoạch mua sắm gồm có 31 danh mục với tổng giá trị vốn là 38.906,8 triệu đồng. Giá trị thực hiện là 23.578 triệu đồng (đạt 60,60% kế hoạch). Giá trị thực hiện thấp do tiết giảm trong đấu thầu và một số hạng mục chuyển tiếp sang năm 2026 (chi tiết được mô tả trong phụ lục đính kèm).

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, GÓP VỐN, MUA CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Kết quả sản xuất kinh doanh của các công ty có vốn góp của Công ty

STT	Tên công ty	Giá trị vốn góp cuối kỳ (Triệu đồng)	Tỷ lệ vốn góp (%)	LNST kế hoạch (Triệu đồng)	LNST thực hiện (Triệu đồng)
1	CTCP Thủy điện Hạ Sông Pha	112.000	70	22.475	25.576
2	CTCP Phong điện Thuận Bình	100.000	20	161.767	172.803
3	CTCP Thủy điện A Vương	24.560	3	218.547	280.674
4	CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ	12.800	1	307.955	549.827

Phần III

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2026

I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH

1. Khối lượng công việc thực hiện công tác sửa chữa tài sản cố định và đầu tư trong năm 2026 lớn như: Cải tạo, nâng cấp Hệ thống thiết bị trung tâm điều khiển OCC, hệ thống điều tốc 04 tổ máy Đa Nhim, Dự án nhà máy thủy điện Đa Nhim mở rộng (Giai đoạn 2) ...

2. Dự án mở rộng nhà máy thủy Đa Nhim còn nhiều nội dung tồn tại, chưa hoàn thành như: Điều chỉnh tiến độ dự án, thanh toán cho nhà thầu TVGS, quyết toán các hạng mục hoàn thành và các khiếu nại, vướng mắc liên quan với Nhà thầu CC47...

II. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT ĐIỆN

1. Sản lượng điện

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch
1	Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	2.927,90
2	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	2.907,70

2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch
1	Tỷ lệ điện tự dùng	%	0,69
2	Hệ số khả dụng	%	95,08
3	Tỷ lệ dừng máy sự cố	%	0,05 (Mùa lũ: 0,00)
4	Hệ số dừng máy bảo dưỡng	%	4,87
5	Doanh thu bán điện tăng thêm	Tỷ đồng	91

III. CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

1. Sửa chữa lớn

Công ty đăng ký kế hoạch sửa chữa lớn năm 2026 gồm 13 hạng mục công trình (10 hạng mục công trình đăng ký mới và 3 hạng mục công trình chuyển tiếp từ năm 2025) với tổng giá trị giải ngân là 58.984 triệu đồng và giá trị hạch toán vào chi phí trong năm 2026 là 44.628 triệu đồng (bao gồm phân bổ chi phí).

2. Sửa chữa thường xuyên

- Sửa chữa thường xuyên tự làm: Công ty đăng ký kế hoạch sửa chữa thường xuyên năm 2026 gồm 8 hạng mục với tổng số tiền là 26.986 triệu đồng.

- Sửa chữa thường xuyên phần thuê ngoài: Công ty đăng ký kế hoạch sửa chữa thường xuyên năm 2026 gồm 18 hạng mục với tổng số tiền là 18.536,9 triệu đồng.

IV. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.968.505
	- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh điện (bao gồm lãi tiền gửi)	Triệu đồng	1.938.117
	- Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	26.388

	- Doanh thu khác	Triệu đồng	4.000
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	1.197.428
	- Chi phí hoạt động sản xuất điện (gồm các khoản làm tăng giảm giá điện)	Triệu đồng	1.193.828
	<i>Trong đó: Lỗ/Lãi (Chênh lệch tỷ giá)</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>(52.881)</i>
	- Chi phí hoạt động tài chính	Triệu đồng	-
	- Chi phí khác	Triệu đồng	3.600
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	771.077
	- Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh điện	Triệu đồng	744.289
	- Lợi nhuận hoạt động tài chính	Triệu đồng	26.388
	- Lợi nhuận khác	Triệu đồng	400
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	616.862
5	Cổ tức	%	13

V. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

Trong năm 2026, Công ty đăng ký kế hoạch giải ngân như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch	Ghi chú
1	Kế hoạch đầu tư xây dựng	147.326	
a)	Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim	85.854	
	- Trả nợ gốc	58.334	
	- Thanh toán chi phí tư vấn giám sát phần khoan nổ	27.521	
b)	Dự án NMTĐ Mặt trời Đa Mi	52.957	
	Trả nợ gốc	52.957	
c)	Dự án nhà máy thủy điện Đa Nhim mở rộng (Giai đoạn 2)	3.035	

d)	Dự án cải tạo, nâng cấp Ngăn lộ 110kV/220kV Hàm Thuận	-	- Năm 2026 lập HSMT và LCNT ký hợp đồng không giải ngân. - Năm 2027 thanh toán tạm ứng 20%. - Năm 2028 hoàn tất quyết toán.
e)	Dự án cải tạo, nâng cấp Ngăn lộ 220KV Đa Mi	-	- Năm 2026 lập HSMT và LCNT ký hợp đồng không giải ngân. - Năm 2027 hoàn tất quyết toán.
f)	Dự án nâng cấp thiết bị trạm phân phối điện 220kV/110KV NMTĐ Đa Nhim	-	- Năm 2026 lập HSMT và LCNT ký hợp đồng không giải ngân. - Năm 2027 hoàn tất quyết toán.
g)	Dự án cải tạo, nâng cấp Đường nội bộ công trình đập Đơn Dương - Hạng mục: Cầu sắt hạ lưu đập Đơn Dương	4.998	
h)	Dự án xây dựng nhà trực bảo vệ kho Tư vấn Hàm Thuận và đập phụ số 4 Hàm Thuận	480	
2	Kế hoạch mua sắm tài sản cố định	27.432	
a)	Danh mục chuyển tiếp	15.964	
b)	Danh mục đăng ký mới năm 2026	11.468	
	Tổng cộng (1+2)	174.758	

Trên đây là toàn bộ báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2025 và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026 của Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- Các PTGD;
- Ban KS;
- Các Phòng/Phân xưởng;
- TTDVKT;
- Lưu: VT, KHVT.

Đính kèm:

Phụ lục kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2026.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Văn Cường

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh năm 2025	KH năm 2026
					(2)
I	Sản lượng điện				
	Sản lượng điện sản xuất (Tr. kWh)	2.879,64	3.202,80	111,22	2.927,90
	Sản lượng điện thương phẩm (Tr. kWh)	2.860,24	3.184,20	111,33	2.907,70
II	Tổng doanh thu	1.967.510	2.277.023	115,73	1.968.505
1	Doanh thu SXKD điện (bao gồm lãi tiền gửi)	1.934.202	2.242.571	115,94	1.938.117
2	Doanh thu hoạt động tài chính	27.216	27.678	101,70	26.388
3	Doanh thu khác	6.092	6.774	111,20	4.000
III	Tổng chi phí	1.161.725	1.179.634	101,54	1.197.428
1	Sản xuất kinh doanh điện (gồm các khoản làm tăng giảm giá điện)	1.156.242	1.174.060	101,54	1.193.828
	<i>Trong đó: Lỗ CLTG</i>	-60.511	(42.861)	70,83	(52.881)
2	Hoạt động tài chính	0	-		
3	Hoạt động khác	5.483	5.574	101,66	3.600
IV	Tổng LN trước thuế	805.785	1.097.389	136,19	771.077
1	SXKD điện	777.960	1.068.511	137,35	744.289
2	Hoạt động tài chính	27.216	27.678	101,70	26.388
3	Hoạt động khác	609	1.200	197,04	400
V	Lợi nhuận sau thuế	644.628	883.160	137,00	616.862
VI	Cổ tức (%)	14%	20%	142,86	13%

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG ĐIỆN NĂM 2026

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	Q1	Q2	Q3	Q4	Năm
Sản lượng điện sản xuất (tr. kWh)	224,72	221,76	264,84	177,01	224,30	238,78	267,56	294,54	288,47	303,15	253,78	168,99	711,33	640,09	850,56	725,93	2.927,90
Thủy điện	218,53	216,40	258,28	170,83	218,54	233,72	262,69	289,21	283,43	297,71	248,58	163,94	693,21	623,10	835,33	710,22	2.861,86
Điện mặt trời	6,19	5,36	6,56	6,18	5,75	5,06	4,87	5,32	5,04	5,44	5,20	5,06	18,12	16,98	15,23	15,70	66,04
Sản lượng điện dùng sản xuất điện (tr.kWh)	1,38	1,35	1,60	1,31	1,62	1,74	1,90	2,15	2,05	2,16	1,76	1,19	4,33	4,67	6,10	5,11	20,20
Thủy điện	1,32	1,30	1,54	1,25	1,57	1,69	1,85	2,10	2,01	2,11	1,71	1,15	4,17	4,52	5,96	4,97	19,62
Điện mặt trời	0,06	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,04	0,05	0,05	0,05	0,05	0,04	0,16	0,15	0,14	0,14	0,58
Tỉ lệ điện tự dùng sản xuất điện (%)	0,61	0,61	0,60	0,74	0,72	0,73	0,71	0,73	0,71	0,71	0,69	0,71	0,61	0,73	0,72	0,70	0,69
SLD thương phẩm (tr.kWh)	223,34	220,41	263,25	175,70	222,67	237,04	265,67	292,38	286,41	301,00	252,02	167,80	707,00	635,42	844,46	720,82	2.907,70
Thủy điện	217,20	215,10	256,74	169,58	216,97	232,03	260,84	287,11	281,42	295,60	246,87	162,79	689,04	618,58	829,37	705,26	2.842,25
Điện mặt trời	6,14	5,31	6,51	6,12	5,70	5,01	4,82	5,28	4,99	5,39	5,15	5,01	17,96	16,84	15,10	15,56	65,45

KẾ HOẠCH SỬA CHỮA LỚN NĂM 2026

TT	Danh mục công trình	Kế hoạch năm 2026	
		Kế hoạch giải ngân năm 2026	Hạch toán chi phí năm 2026
	Tổng	58.984	44.628
A	Công trình chuyển tiếp từ năm 2025 sang		
1	Tổ máy H1 Đa Mi - Hệ thống điều tốc và kích từ	17.323	4.331
2	Tổ máy H2 Đa Mi - Hệ thống kích từ	6.696	1.674
3	Công trình xây dựng - Nhà trực vận hành sửa chữa Bảo Lộc - Nhà M	4.429	4.429
B	Công trình kế hoạch năm 2026		
1	Tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Đa Mi - Đại tu tổ máy	2.344	2.344
2	Tổ máy H4 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim - Đại tu tổ máy	4.158	4.158
3	Thiết bị thủy công - Đường ống áp lực số 2 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	2.338	2.338
4	Thiết bị thủy công - Đường ống áp lực số 2 Nhà máy Thủy điện Sông Pha	478	478
5	Công trình xây dựng - Nhà trực vận hành sửa chữa Bảo Lộc - Nhà E1 và E2.	1.850	1.850
6	Công trình xây dựng - Nhà trực vận hành sửa chữa Đa Nhim - Nhà C10, D10A, D10B, 7A, 7B, 4A, 4B và Nhà ăn chiều.	4.058	4.058
7	Công trình xây dựng - Nhà trực làm việc Trung tâm dịch vụ sửa chữa Đa Nhim.	1.965	1.965
8	Công trình xây dựng - Nhà trực vận hành sửa chữa Bảo Lộc - Nhà H (H1, H2, H3, H4, H5)	2.509	2.509
9	Công trình xây dựng - Nhà trực vận hành sửa chữa Đa Nhim - Nhà B3 - B4 và B4 - B6.	1.837	1.837
10	Công trình xây dựng - Hạng mục Đập tràn - Tiêu hạng mục: Sửa chữa gia cố xói lở tiêu năng hạ lưu đập tràn Đơn Dương	8.999	8.999
11	Giá trị phân bổ	-	3.658

KẾ HOẠCH SỬA CHỮA THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tên thiết bị/TSCĐ được sửa chữa	Kế hoạch năm 2026
			(2)
I	SCTX tự làm		26.986
1	Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	Tổ máy H1	1.090
		Tổ máy H2	877
		Tổ máy H3	1.435
		Hệ thống điều khiển	5
		Thiết bị trạm phân phối 220/110kV	3.035
		Thiết bị đập tràn	593
		Thiết bị CNN, đường hầm, nhà van, đường ống áp lực, hạ lưu	210
		Các hệ thống thiết bị khác	1.401
2	Nhà máy Thủy điện Đa Nhim mở rộng	Tổ máy H5 Đa Nhim	1.248
		Hệ thống điều khiển	184
		Thiết bị CNN, đường hầm, nhà van, đường ống áp lực, hạ lưu	135
		Các hệ thống thiết bị khác	23
3	Nhà máy Thủy điện Sông Pha	Tổ máy H1	777
		Tổ máy H2	40
		Tổ máy H3	73
		Tổ máy H4	40
		Tổ máy H5	47
		Thiết bị trạm phân phối 110KV	19
		Hệ thống điều khiển	105
		Thiết bị CNN, đường hầm, nhà van, đường ống áp lực, hạ lưu	52
		Các hệ thống thiết bị khác	73
4	Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận	Tổ máy H1	1.575
		Tổ máy H2	1.806
		Thiết bị trạm phân phối 220/110KV	6.220
		Hệ thống điều khiển	136
		Thiết bị đập tràn	120
		Thiết bị CNN, đường hầm, nhà van, đường ống áp lực, hạ lưu	39
		Các hệ thống thiết bị khác	1.497
5	Nhà máy Thủy điện Đa Mi	Tổ máy H2	905
		Thiết bị trạm phân phối 220kV	0
		Hệ thống điều khiển	0
		Thiết bị CNN, đường hầm, nhà van, đường ống áp lực, hạ lưu	63
		Các hệ thống thiết bị khác	76
6	Nhà máy điện mặt trời Đa Mi	Hệ thống thiết bị chính	450
		Hệ thống thiết bị khác	16
7	Văn phòng Bảo Lộc	Phần thiết bị	1.335

8	Chi phí khác sửa chữa tự làm	Dự phòng 5% cho 8 hạng mục tự làm	1.285
II	SCTX thuê ngoài		18.536,9
1	Sửa chữa xe ô tô		713,0
2	Vệ sinh tấm pin và nhỏ cò trên hệ thống phao Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi		203,9
3	Sửa chữa mái taluy ngã 3 Hồng Châu tuyến đường vào Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận và mương thoát nước đường vào tháp điều áp Hàm Thuận		2.368,8
4	Sửa chữa mái tiếp giáp hạ lưu đập chính và mương thoát nước khu vực đập tràn Hàm Thuận		1.125,4
5	Sửa chữa nhà trực vận hành sửa chữa Đa Nhim - Nhà E1A và E1B		819,7
6	Sửa chữa nhà trực vận hành sửa chữa Đa Nhim - Nhà E2A và E2B		819,6
7	Sửa chữa nhà trực vận hành sửa chữa Đa Nhim - Nhà F2A		409,5
8	Xử lý xói ngầm qua hệ thống thoát nước ngầm vai phải đập tràn Đơn Dương		1.145
9	Sửa chữa đường vận hành từ đập tràn vào cửa nhận nước Đa Nhim		887,0
10	Sửa chữa hệ thống làm mát dầu bôi trơn Đa Nhim		869,5
11	Sửa chữa các vị trí khiếm khuyết của nền đường ống số 1 và số 2 Đa Nhim		3.326,0
12	Sửa chữa phòng làm việc HCLD		115,0
13	Khoan phụt bổ sung xử lý xói ngầm vai phải đập tràn Đơn Dương		1.570,0
14	Sửa chữa mái taluy âm tại K0+495 đường vào nhà van số 2 Đa Nhim		600,0
15	Sửa chữa mương chung, giếng giảm áp và hàng rào bảo vệ hạ lưu đập Đơn Dương		800,0
16	Sửa chữa sân trước Văn phòng Công ty		599,0
17	Sửa chữa nhà trực đập tràn Hàm Thuận		588,0
18	Chi phí khác sửa chữa thuê ngoài		1.577,3
	Tổng cộng		45.522,9

KẾ HOẠCH MUA SẴM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH BẰNG NGUỒN VỐN KHẤU HAO CƠ BẢN NĂM 2026

STT	Các danh mục, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Triệu đồng)	Thành tiền (Triệu đồng)	Lũy kế thực hiện đến năm 2025	Kế hoạch năm 2026
	TỔNG CỘNG						27.432,5
A	Danh mục thực hiện nhiều năm						15.964
1	Trung tâm OCC - Cải tạo, nâng cấp Hệ thống thiết bị trung tâm điều khiển OCC, hệ thống mạng bảo mật hệ thống điều khiển và thị trường điện	Gói	1	15.390	15.390		-
2	Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị CNTT đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025	HT	1	4.808	4.808		4.252,0
3	Hệ thống Điều tốc Đa Nhim	Bộ	4	10.916,8	43.667	1.877,3	-
4	Nhà xưởng tại Nhà máy thủy điện Đa Mi	gói	1	4.943	4.943	945,9	3.898,1
5	Hệ thống quan trắc chuyển vị và đường bão hòa thấm trong thân đập - Công trình thủy điện Đa Nhim	Gói	1	5.100,0	5.101	29,0	4.101,6
6	Hệ thống AC-DC 2: Charger 220VDC Nhà máy Thủy điện Đa Nhim mở rộng	Bộ	1	1.513,5	1.513,5	75,9	656,5
7	Máy nén khí cao áp	Máy	1	1.685,0	1.685,0	161,0	1.330,0
8	Xe ô tô 16 chỗ	Xe	1	1.021,9	1.021,9	-	1.021,9
9	Ca nô	Chiếc	1	691,3	691,3	127,8	509,2
10	Hệ thống báo cháy và chữa cháy Nhà máy Hàm Thuận, Đa Mi, điện mặt trời Đa Mi	HT	1	3.051,8	3.051,8	2.053,8	195,0
B	Danh mục kế hoạch đăng ký mới năm 2026						11.468,3
1	Máy cắt đầu cực tổ máy H2 Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận	Máy	1	26.989,0	26.989,0		2.698,9
2	MBA kích từ ET1 Hàm Thuận	Máy	1	1.681,2	1.681,2		1.681,2
3	Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đường ống Đa Nhim	Mốc	148	5,5	814,0		814,0
4	Máy phát điện Diesel lưu động công suất $\geq 170\text{kVA}$	Máy	1	810,0	810,0		810,0

5	Hệ thống đo khí ozone tại các MBA khô tại Nhà máy Hàm Thuận	Hệ thống	1	575,0	575,0		575,0
6	Nâng cấp Hệ thống AC/DC Nhà máy điện mặt trời Đa Mi	Hệ thống	1	1.108,1	1.108,1		1.108,1
7	Máy đo luồng tín hiệu E1 (2048kbps) tích hợp đo Ethernet	Máy	1	624,0	624,0		624,0
8	Chi phí kiểm toán quyết toán, chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán						
a	Chi phí kiểm toán quyết toán các hạng mục năm 2025				119,3		119,3
b	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán các hạng mục năm 2025				70,9		70,9
9	Máy hàn TIG Esab Rouge ET 230IP AC/DC W (Có bộ làm mát bằng nước đi kèm)	Máy	1	164,9	164,9		164,9
10	Nâng cấp Hệ thống camera nhà máy Đa Nhim	HT	1	1.278,0	1.278		1.278,0
11	Hệ thống thông tin vận hành OIS	HT	1	477,7	477,7		477,7
12	Hệ thống đo lưu lượng nước chạy máy Nhà máy Hàm Thuận	HT	1	523,1	523,1		523,1
13	Hệ thống đo lưu lượng nước chạy máy Nhà máy Đa Mi	HT	1	523,1	523,1		523,1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2026

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
1	Kế hoạch ĐTXD	147.326	
1.1	Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim (Giai đoạn 1)	85.854	
-	<i>Trả nợ gốc</i>	58.334	
-	<i>Thanh toán chi phí tư vấn giám sát phần khoan nổ</i>	27.521	
1.2	Dự án NMTĐ Mặt trời Đa Mi	52.957	
	<i>Trả nợ gốc</i>	52.957	
1.3	Dự án nhà máy thủy điện Đa Nhim mở rộng (Giai đoạn 2)	3.035	
1.4	Dự án nâng cấp, cải tạo ngăn lộ 110kV/220kV Hàm Thuận		Năm 2026 lập HSMT và LCNT ký hợp đồng không giải ngân. Năm 2027 thanh toán tạm ứng 20%. Năm 2028 hoàn tất quyết toán.
1.5	Dự án nâng cấp, cải tạo ngăn lộ 220KV Đa Mi		Năm 2026 lập HSMT và LCNT ký hợp đồng không giải ngân. Năm 2027 hoàn tất quyết toán.
1.6	Dự án nâng cấp thiết bị trạm phân phối điện 220kV/110KV NMTĐ Đa Nhim		Năm 2026 lập HSMT và LCNT ký hợp đồng không giải ngân. Năm 2027 hoàn tất quyết toán.
1.7	Dự án cải tạo, nâng cấp Đường nội bộ công trình đập Đơn Dương - Hạng mục: Cầu sắt hạ lưu đập Đơn Dương	4.998	- TCT đã thông qua bổ sung danh mục và giá trị tại Văn bản 499/EVNGENCO1-TH ngày 25/3/2026 - Cầu sắt hạ lưu đập tràn Đơn Dương được xây dựng và đưa vào vận hành cách đây hơn 30 năm, đã xuống cấp. Kết cấu hiện trạng của cầu không đảm bảo an toàn khi đập tràn xả lũ lớn dẫn đến bị trôi 01 nhịp, xói 02 móng bên sau khi đập tràn điều tiết xả lũ lịch sử về hồ Đơn Dương (cơn lũ số 2 - năm 2025, Q xả max = 2007 m3/s) Bổ sung theo Tờ trình số 72/TTr-TĐĐHĐ ngày 14/02/2026, gồm: a) Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật; b) Thi công xây lắp; c) Chi phí khác.
1.8	Dự án xây dựng nhà trực bảo vệ kho Tư vấn Hàm Thuận và đập phụ số 4 Hàm Thuận	480	Cần đảm bảo tính ổn định, bền vững, an toàn, hài hòa về mặt mỹ quan, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng bảo vệ trong quá trình làm việc

BÁO CÁO

Tình hình quản trị Công ty năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi và các quy định pháp luật liên quan, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 về tình hình quản trị Công ty năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

I. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

1. Kết quả sản xuất kinh doanh

Kết thúc năm 2025, Công ty đã đạt và vượt mức các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ giao tại Nghị quyết số 88/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)
1	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.879,64	3.202,70	111,22
2	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.860,24	3.184,18	111,33
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	1.967.510	2.277.023	115,7
4	Tổng chi phí	Tr.đ	1.161.725	1.179.634	101,5
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	805.785	1.097.389	136,2
6	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	644.628	883.160	137,0

2. Tình hình thực hiện các nội dung đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025

Các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty đã được triển khai thực hiện và đạt được kết quả tốt theo các mục tiêu, định hướng tại Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, cụ thể như sau:

- Về kết quả sản xuất kinh doanh: Hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và tài chính năm 2025, trong đó lợi nhuận sau thuế đạt 883,16 tỷ đồng, tương đương 137,0% so với kế hoạch năm.

- Các nội dung được ĐHĐCĐ thông qua đã được triển khai thực hiện đầy đủ, đúng quy định, bao gồm: tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của HĐQT và Ban kiểm soát; phân phối lợi nhuận năm 2024, lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.

3. Các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến thành viên HĐQT, ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền

a) Trong năm 2025, HĐQT đã chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

b) HĐQT duy trì các cuộc họp thường kỳ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, quy định theo quy chế làm việc của HĐQT, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm, HĐQT đã tổ chức 4 cuộc họp và 238 lượt lấy phiếu ý kiến để thông qua các nội dung do Ban Tổng giám đốc trình liên quan đến công tác điều hành, sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. HĐQT đã ký ban hành 242 Nghị quyết/Quyết định, trong đó:

- Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua cuộc họp: 4 văn bản.
- Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua lấy ý kiến bằng văn bản: 238 văn bản.

Chi tiết nội dung các Nghị quyết, Quyết định ban hành trong năm 2025 theo Phụ lục đính kèm.

4. Tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị năm 2025

Tổng quỹ tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị năm 2025 là: 1.371.596.000 đồng.

Các chi phí hoạt động khác của HĐQT tuân thủ theo Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy định chi tiêu nội bộ của Công ty.

5. Các giao dịch giữa Công ty, công ty con với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

Trong năm 2025, Công ty không phát sinh các giao dịch trên.

6. Kết quả giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc Công ty

a) Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc được thực hiện thông qua các hình thức như: tổ chức các cuộc họp do HĐQT chủ trì, tham gia các cuộc họp định kỳ do Tổng giám đốc tổ chức, thông qua các báo cáo của Tổng giám đốc.

b) Thông qua các hoạt động giám sát, HĐQT nhận thấy:

- Trong năm 2025, Tổng giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư và các hoạt động khác của Công ty để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Với những kết quả đạt được về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, các chỉ tiêu tài chính, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, HĐQT đánh giá cao công tác điều hành của Tổng giám đốc trong năm 2025.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, HĐQT đã ban hành Chương trình làm việc năm 2026 của Hội đồng quản trị nhằm cụ thể hóa các mặt công tác trong năm 2026. Năm 2026, HĐQT sẽ tập trung vào các vấn đề sau:

1. Công tác sản xuất kinh doanh: Chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 trên cơ sở đảm bảo các tổ máy vận hành an toàn, ổn định và đạt hiệu quả. Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận và đảm bảo cơ cấu theo kế hoạch đề ra.

2. Công tác đầu tư:

- Chỉ đạo, đơn đốc và giám sát việc giải quyết các nội dung còn tồn tại của Dự án mở rộng Nhà máy thủy điện Đa Nhim - Giai đoạn 1;

- Tiếp tục thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư Dự án Mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (Giai đoạn 2)

3. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch SXKD - Đầu tư giai đoạn 2026 - 2030:

- Cải tạo nâng cấp hệ thống thiết bị, công trình.

- Thực hiện hoàn thành Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (Giai đoạn 2).

- Thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức, bộ máy và định biên lao động.

4. Công tác quản trị nội bộ: Chỉ đạo rà soát, hiệu chỉnh các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Để đảm bảo tất cả các hoạt động của Công ty được thuận lợi và hiệu quả, HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ giao Hội đồng quản trị Công ty tổ chức triển khai thực hiện và quyết định các vấn đề, nội dung phát sinh ngoài kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ năm 2026 thông qua hoặc các vấn đề, nội dung cấp bách cần triển khai thực hiện trước khi ĐHĐCĐ thường

niên thông qua kế hoạch SXKD của năm 2027 được tổ chức, trừ các nội dung bắt buộc phải được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua tại cuộc họp.

Kính trình Đại hội biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Quang

Phụ lục**DANH MỤC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2025**

(Đính kèm Báo cáo số /BC-TĐĐHĐ ngày /4/2026 của Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	02/01/2025	Về việc thông qua Phương án kỹ thuật và Dự toán sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025, Danh mục: Tổ máy H2 Hàm Thuận, Hạng mục: Đại tu tổ máy	100%
2	02/QĐ-HĐQT	07/01/2025	Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự hoàn thành Hạng mục mua sắm Tài sản cố định Máy biến áp chính và hệ thống giám sát trực tuyến Nhà máy Thủy điện Đa Mi	100%
3	03/NQ-HĐQT	20/01/2025	Về việc điều chỉnh thời gian tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền đợt 2	100%
4	04/NQ-HĐQT	21/01/2025	Họp Hội đồng quản trị - Phiên họp quý I năm 2025	100%
5	05/NQ-HĐQT	24/01/2025	Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng Quỹ phúc lợi năm 2024	100%
6	06/NQ-HĐQT	07/02/2025	Thông qua áp dụng Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
7	07/NQ-HĐQT	07/02/2025	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và Dự thảo hợp đồng Gói thầu số 10MSHH-SCL-2024: Cung cấp, lắp đặt vật tư, thiết bị cho hệ thống điều tốc tổ máy H1 Đa Mi	100%
8	08/QĐ-HĐQT	07/02/2025	Về việc công bố áp dụng Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
9	09/NQ-HĐQT	11/02/2025	Về việc thông qua E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu Tư vấn lập, cập nhật Quy trình bảo trì Công trình thủy điện Đa Nhim, Sông Pha, Hàm Thuận, Đa Mi và khu Văn phòng làm việc	100%
10	10/NQ-HĐQT	11/02/2025	Về việc thông qua nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện A Vương	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
11	11/NQ-HĐQT	13/02/2025	Phê duyệt chủ trương kiện toàn nhân sự Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tại Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình	100%
12	12/NQ-HĐQT	13/02/2025	Về việc thông qua kết quả đánh giá E-Hồ sơ đề xuất kỹ thuật Gói thầu Tư vấn đánh giá tình trạng của Máy phát H1 và H2 Nhà máy Thủy điện Đa Mi	100%
13	13/NQ-HĐQT	13/02/2025	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và Dự thảo hợp đồng Gói thầu Kiểm định định kỳ và bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị thuộc hệ thống đo đếm điện năng năm 2025	100%
14	14/NQ-HĐQT	16/02/2025	Phê duyệt phương án nhân sự Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tại Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình (hiệu chỉnh)	100%
15	15/QĐ-HĐQT	17/02/2025	Về việc kiện toàn nhân sự Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tại Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình	100%
16	16/NQ-HĐQT	18/02/2025	Thông qua điều chỉnh Quy chế phân phối lương, thù lao của Người quản lý Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
17	17/QĐ-HĐQT	19/02/2025	Về việc điều chỉnh Quy chế phân phối lương, thù lao của Người quản lý Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
18	18/QĐ-HĐQT	20/02/2025	Quyết định chuyển xếp lương từ 10/4/2024 đối với ông Lê Văn Quang	100%
19	19/QĐ-HĐQT	20/02/2025	Quyết định chuyển xếp lương từ 10/4/2024 đối với ông Đặng Văn Cường	100%
20	20/QĐ-HĐQT	20/02/2025	Quyết định chuyển xếp lương từ ngày 10/4/2024 đối với ông Đỗ Minh Lộc	100%
21	21/QĐ-HĐQT	20/02/2025	Quyết định chuyển xếp lương từ ngày 10/4/2024 đối với ông Nguyễn Đình Chiến	100%
22	22/QĐ-HĐQT	20/02/2025	Quyết định chuyển xếp lương từ ngày 10/4/2024 đối với bà Phạm Thị Hồng Hà	100%
23	23/QĐ-HĐQT	20/02/2025	Quyết định chuyển xếp lương từ ngày 10/4/2024 đối với ông Phạm Viết Kỳ	100%
24	24/NQ-HĐQT	20/02/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 02 năm 2025	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
25	25/NQ-HĐQT	25/02/2025	Về việc thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và Dự thảo hợp đồng Gói thầu số 02-HH-KHCB-2024: Cung cấp và lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy khu vực Đa Nhim - Sông Pha	100%
26	26/NQ-HĐQT	27/02/2025	Về việc thông qua nâng bậc lương đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
27	27/QĐ-HĐQT	27/02/2025	về việc nâng bậc lương đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
28	28/NQ-HĐQT	04/03/2025	Về việc thông qua chủ trương bán chứng chỉ năng lượng tái tạo	100%
29	29/NQ-HĐQT	04/03/2025	Về việc thông qua chủ trương thuê tư vấn lập phương án tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	100%
30	30/NQ-HĐQT	11/03/2025	Về việc thông qua chủ trương giao cán bộ phụ trách kế toán và thực hiện nhiệm vụ quản lý Phòng Tài chính và Kế toán Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
31	31/NQ-HĐQT	12/03/2025	Về việc thông qua thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
32	32/NQ-HĐQT	17/03/2025	Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế phân cấp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
33	33/NQ-HĐQT	17/03/2025	Phê duyệt phương án nhân sự ứng cử thành viên Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình (hiệu chỉnh căn cứ)	100%
34	34/NQ-HĐQT	17/03/2025	Về việc thông qua nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình	100%
35	35/NQ-HĐQT	17/03/2025	Phê duyệt phương án nhân sự Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tại các công ty có phần vốn góp	100%
36	36/QĐ-HĐQT	17/03/2025	Về việc ban hành Quy chế phân cấp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
37	37/QĐ-HĐQT	17/03/2025	Về việc kiện toàn nhân sự nhân sự ứng cử thành viên Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình	100%
38	38/QĐ-HĐQT	18/03/2025	Về việc kiện toàn nhân sự nhân sự Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tại các công ty có phần vốn góp	100%
39	39/NQ-HĐQT	19/03/2025	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025 - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Đợt 1)	100%
40	40/NQ-HĐQT	20/03/2025	Về việc thông qua Dự thảo hợp đồng “Cung cấp nhân sự vận hành Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 2 năm 2025” với Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	100%
41	41/NQ-HĐQT	25/03/2025	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hạng mục “Hệ thống phao cảnh báo tại các đập hồ Hàm Thuận”	100%
42	42/NQ-HĐQT	25/03/2025	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hạng mục “Hệ thống phao cảnh báo tại các đập hồ Đa Mi”	100%
43	43/NQ-HĐQT	28/03/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 3 năm 2025	100%
44	44/NQ-HĐQT	28/03/2025	Về việc thông qua dự toán Gói thầu số 05MSHH-SCL-2025: Cung cấp vật tư, thiết bị van sửa chữa lớn tổ máy H3 Đa Nhim	100%
45	45/NQ-HĐQT	31/03/2025	Về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của người quản lý và người lao động	100%
46	46/NQ-HĐQT	31/03/2025	Về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	100%
47	47/NQ-HĐQT	01/04/2025	Về việc chấm dứt Hợp đồng dịch vụ số AOM2000 - Nhà máy điện gió Phú Lạc - giai đoạn 1 của Công ty cổ phần phong điện Thuận Bình	100%
48	48/NQ-HĐQT	02/04/2025	Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng Quỹ phúc lợi năm 2024	100%
49	49/NQ-HĐQT	04/04/2025	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm sử dụng vốn khấu hao cơ bản năm 2025 - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Đợt 1)	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
50	50/NQ-HĐQT	08/04/2025	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hạng mục “Hệ thống AC-DC 2: Charger 220VDC Nhà máy Thủy điện Đa Nhim mở rộng”	100%
51	51/QĐ-HĐQT	09/04/2025	Thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của ĐHD	100%
52	52/NQ-HĐQT	10/04/2025	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hạng mục “Máy bơm thủy lực dẫn động khí nén”	100%
53	53/NQ-HĐQT	10/04/2025	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hạng mục “Máy làm đá khô CO ₂ ”	100%
54	54/NQ-HĐQT	16/04/2025	Về việc phê duyệt quyết toán tiền nhân công sửa chữa lớn tự làm năm 2024	100%
55	55/NQ-HĐQT	16/04/2025	Về việc phê duyệt quyết toán tiền nhân công thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật năm 2024	100%
56	56/NQ-HĐQT	16/04/2025	Họp Hội đồng quản trị - Phiên họp quý II năm 2025	100%
57	57/NQ-HĐQT	18/04/2025	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Hạng mục “Trang bị xe tải 5 tấn”	100%
58	58/NQ-HĐQT	18/04/2025	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Hạng mục “Trang bị xe tải gắn cầu 5 tấn”	100%
59	59/NQ-HĐQT	18/04/2025	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hạng mục “Thước đo lún thân đập và đo nước ngầm”	100%
60	60/NQ-HĐQT	18/04/2025	Về việc phê duyệt chủ trương chỉ định thầu và dự toán để thực hiện tổng hợp, đánh giá kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo yêu cầu Giấy phép môi trường số 27, 28/GPMT-BNNMT ngày 27 tháng 3 năm 2025	100%
61	61/NQ-HĐQT	22/04/2025	Về việc thông qua điều chỉnh thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
62	62/NQ-HĐQT	23/04/2025	Về việc thông qua quyết toán công trình Tổ máy - Hệ thống điều tốc tổ máy H4 Nhà máy thủy điện Sông Pha	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
63	63/NQ-HĐQT	23/04/2025	Về việc thông qua quyết toán công trình Tổ máy - Hệ thống điều tốc tổ máy H5 Nhà máy thủy điện Sông Pha	100%
64	64/NQ-HĐQT	23/04/2025	Về việc thông qua quyết toán công trình Đường vận hành đi Nhà máy thủy điện Đa Mi	100%
65	65/NQ-HĐQT	24/04/2025	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Hạng mục “Trang bị xe ô tô 16 chỗ ngồi”	100%
66	66/NQ-HĐQT	24/04/2025	Về việc thông qua Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hạng mục “Hệ thống phao cảnh báo tại các đập hồ Đơn Dương”	100%
67	67/NQ-HĐQT	24/04/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu Cung cấp, lắp đặt hệ thống phao cảnh báo tại các đập hồ Hàm Thuận và Đa Mi	100%
68	68/NQ-HĐQT	25/04/2025	Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng Quỹ phúc lợi năm 2024	100%
69	69/NQ-HĐQT	25/04/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 02XL-SXKD-2025: Xử lý xói ngầm qua hệ thống thoát nước ngầm vai phải đập tràn Đơn Dương	100%
70	70/NQ-HĐQT	26/04/2025	Về việc phê duyệt điều chuyển quỹ và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng Quỹ phúc lợi năm 2024	100%
71	71/NQ-HĐQT	26/04/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 4 năm 2025	100%
72	72/NQ-HĐQT	29/04/2025	Về việc phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán chi phí Sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025, danh mục công trình xây dựng, hạng mục “Đường vận hành đi Nhà máy Thủy điện Đa Mi (đoạn còn lại đến km3+010)”	100%
73	73/NQ-HĐQT	29/04/2025	Về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hạng mục “Ca nô”	100%
74	74/NQ-HĐQT	08/05/2025	Về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hạng mục “Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị công nghệ thông tin đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025”	100%
75	75/NQ-HĐQT	12/05/2025	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm sử dụng vốn khấu hao cơ bản năm 2025 - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Đợt 2)	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
76	76/NQ-HĐQT	14/05/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu: Cung cấp, lắp đặt Hệ thống phao cảnh báo tại các đập hồ Hàm Thuận và Đa Mi	100%
77	77/NQ-HĐQT	16/05/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 5 năm 2025	100%
78	78/NQ-HĐQT	18/05/2025	Về việc phê duyệt chủ trương thực hiện gói thầu Cung cấp dịch vụ bảo trì phần mềm dùng chung ngành điện năm 2025	100%
79	79/QĐ-HĐQT	20/05/2025	Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
80	80/NQ-HĐQT	20/05/2025	Về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	100%
81	81/NQ-HĐQT	21/05/2025	Về việc thông qua nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	100%
82	82/NQ-HĐQT	21/05/2025	Về việc thông qua áp dụng Quy chế về công tác đầu thầu và Danh mục các trường hợp có thể áp dụng hình thức ký hợp đồng trực tiếp hoạt động đầu thầu sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh trong Tổng công ty Phát điện 1 tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
83	83/NQ-HĐQT	21/05/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Đơn vị mua Chứng chỉ năng lượng tái tạo Nhà máy điện Mặt trời Đa Mi	100%
84	84/QĐ-HĐQT	21/05/2025	Về việc công bố áp dụng Quy chế về công tác đầu thầu và Danh mục các trường hợp có thể áp dụng hình thức ký hợp đồng trực tiếp hoạt động đầu thầu sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh trong Tổng công ty Phát điện 1 tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
85	85/NQ-HĐQT	27/05/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu Cung cấp máy làm đá khô CO2	100%
86	86/NQ-HĐQT	27/05/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu Cung cấp, lắp đặt hệ thống Hệ thống phao cảnh báo tại các đập hồ Đơn Dương	100%
87	87/NQ-HĐQT	29/05/2025	Về việc thông qua tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
88	89/NQ-HĐQT	04/06/2025	Về việc chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền đợt cuối	100%
89	90/NQ-HĐQT	06/06/2025	Về việc thông qua nội dung chính Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hạng mục “Dụng cụ và máy thí nghiệm”	100%
90	91/NQ-HĐQT	09/06/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu Cung cấp Hệ thống AC-DC 2: Charger 220VDC Nhà máy Thủy điện Đa Nhim mở rộng	100%
91	92/NQ-HĐQT	09/06/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu Trang bị Ca nô	100%
92	93/NQ-HĐQT	10/06/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu Trang bị Xe ô tô 16 chỗ ngồi	100%
93	94/NQ-HĐQT	10/06/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu Trang bị xe tải 5 tấn	100%
94	95/NQ-HĐQT	10/06/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu Trang bị xe tải gắn cầu 5 tấn	100%
95	96/NQ-HĐQT	11/06/2025	Về việc thông qua nội dung chính Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng hạng mục “Máy chụp ảnh nhiệt” (hiệu chỉnh tiêu đề)	100%
96	97/NQ-HĐQT	11/06/2025	Về việc phê duyệt trích lập và chi trả quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty năm 2024	100%
97	98/NQ-HĐQT	11/06/2025	Về việc thông qua Dự thảo các hợp đồng ký kết với Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	100%
98	99/NQ-HĐQT	11/06/2025	Về việc phê duyệt chủ trương thực hiện gói thầu “Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại nhiễm PCB năm 2025”	100%
99	100/QĐ-HĐQT	11/06/2025	Về việc trích lập và chi trả quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty năm 2024	100%
100	101/NQ-HĐQT	12/06/2025	Về việc phê duyệt dự toán chi phí danh mục và dự toán gói thầu Tư vấn luật để giải quyết các tồn tại liên quan đến thanh toán cho Tư vấn giám sát thuộc Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
101	102/NQ-HĐQT	12/06/2025	Về việc phê duyệt dự toán và E-Hồ sơ mời thầu điều chỉnh Gói thầu số 06MSHH-SCL-2025: Cung cấp vật tư, thiết bị điện sửa chữa lớn tổ máy H3 Đa Nhim	100%
102	103/NQ-HĐQT	12/06/2025	Về việc phê duyệt dự toán Gói thầu số 08MSHH-SCL-2025: Cung cấp vật tư, thiết bị	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			cơ khí sửa chữa lớn tổ máy H2 và H4 Sông Pha	
103	104/NQ-HĐQT	16/06/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu: Cung cấp, lắp đặt Hệ thống phao cảnh báo tại các đập hồ Đơn Dương	100%
104	105/NQ-HĐQT	16/06/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu Cung cấp Máy bơm thủy lực dẫn động khí nén	100%
105	106/NQ-HĐQT	16/06/2025	Thông qua chủ trương kiện toàn chức danh Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
106	107/NQ-HĐQT	17/06/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu Cung cấp Thuốc đo lún thân đập và đo nước ngầm	100%
107	108/NQ-HĐQT	18/06/2025	Về việc phê duyệt trích lập và kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025	100%
108	109/NQ-HĐQT	19/06/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 6 năm 2025	100%
109	110/NQ-HĐQT	24/06/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 08MSHH-SCL-2025: Cung cấp vật tư, thiết bị cơ khí sửa chữa lớn tổ máy H2 và H4 Sông Pha	100%
110	111/NQ-HĐQT	25/06/2025	Về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện A Vương	100%
111	112/NQ-HĐQT	26/06/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu Cung cấp máy làm đá khô CO2	100%
112	113/NQ-HĐQT	30/06/2025	Về việc thông qua chủ trương đề xuất làm nhà đầu tư Dự án Thủy điện Đa Nhim mở rộng (giai đoạn 2)	100%
113	114/NQ-HĐQT	30/06/2025	Về việc thông qua nâng bậc lương đối với Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
114	115/NQ-HĐQT	30/06/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu Cung cấp Máy bơm thủy lực dẫn động khí nén	100%
115	116/NQ-HĐQT	30/06/2025	Về việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch quý II năm 2025	100%
116	117/NQ-HĐQT	30/06/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu Cung cấp Thuốc đo lún thân đập và đo nước ngầm	100%
117	118/NQ-HĐQT	30/06/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu 05MSHH-KHCB-2025: Trang bị xe tải 5 tấn	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
118	119/NQ-HĐQT	30/06/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu 07MSHH-KHCB-2025: Trang bị xe ô tô 16 chỗ ngồi	100%
119	120/NQ-HĐQT	30/06/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu 06MSHH-KHCB-2025: Trang bị xe tải gắn cầu 5 tấn	100%
120	121/NQ-HĐQT	30/06/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu 08MSHH-KHCB-2025: Trang bị ca nô	100%
121	122/NQ-HĐQT	30/06/2025	Nghị quyết: NGHỊ QUYẾT Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu Cung cấp Hệ thống AC-DC 2: Charger 220VDC Nhà máy Thủy điện Đa Nhim mở rộng	100%
122	317/QĐ-HĐQT	30/06/2025	Nâng bậc lương đối với Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
123	123/NQ-HĐQT	03/07/2025	Về việc điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ lựa chọn nhà thầu Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm sử dụng vốn khấu hao cơ bản năm 2025 - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Đợt 2)	100%
124	124/NQ-HĐQT	07/07/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 02XL-SXKD-2025: Xử lý xói ngầm qua hệ thống thoát nước ngầm vai phải đập tràn Đơn Dương, thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 1) các gói thầu thuộc vốn SXKD điện năm 2025	100%
125	125/NQ-HĐQT	08/07/2025	Về việc bổ sung kế hoạch Đầu tư phát triển năm 2025 và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu lập Báo cáo đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc Dự án thủy điện Đa Nhim mở rộng (Giai đoạn 2)	100%
126	126/NQ-HĐQT	11/07/2025	Về việc ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung và Danh mục Quy chế quản lý nội bộ của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi năm 2025	100%
127	127/NQ-HĐQT	11/07/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 7 năm 2025	100%
128	128/NQ-HĐQT	14/07/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu Cung cấp Hệ thống AC-DC 2: Charger 220VDC Nhà máy Thủy điện Đa Nhim mở rộng	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
129	129/NQ-HĐQT	14/07/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu Cung cấp Thước đo lún thân đập và đo nước ngầm	100%
130	130/NQ-HĐQT	14/07/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu Cung cấp Máy bơm thủy lực dẫn động khí nén	100%
131	131/NQ-HĐQT	15/07/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu 08MSHH-KHCB-2025: Trang bị ca nô	100%
132	132/NQ-HĐQT	15/07/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu 06MSHH-KHCB-2025: Trang bị xe tải gắn cầu 5 tấn	100%
133	133/NQ-HĐQT	15/07/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu 05MSHH-KHCB-2025: Trang bị xe tải 5 tấn	100%
134	134/NQ-HĐQT	15/07/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu 07MSHH-KHCB-2025: Trang bị xe ô tô 16 chỗ ngồi	100%
135	135/NQ-HĐQT	17/07/2025	Họp Hội đồng quản trị - Phiên họp quý III năm 2025	100%
136	136/NQ-HĐQT	21/07/2025	Về việc thông qua áp dụng các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty Phát điện 1 ban hành liên quan lĩnh vực hành chính, quản trị, lao động, kiểm toán giám sát, kiểm tra tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
137	137/NQ-HĐQT	21/07/2025	Về việc thông qua áp dụng các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty Phát điện 1 ban hành liên quan lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đầu tư tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
138	138/QĐ-HĐQT	21/07/2025	Về việc công bố áp dụng các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty Phát điện 1 ban hành liên quan lĩnh vực hành chính, quản trị, lao động, kiểm toán giám sát, kiểm tra tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
139	139/QĐ-HĐQT	21/07/2025	Về việc công bố áp dụng các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty Phát điện 1 ban hành liên quan lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đầu tư tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
140	140/NQ-HĐQT	23/07/2025	Về việc phê duyệt Nhiệm vụ tư vấn khảo sát, thiết kế và dự toán tư vấn hạng mục “Hệ thống mốc quan trắc chuyển vị và đường bảo hòa	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			thăm trong thân đập, công trình Thủy điện Đa Nhim”	
141	141/NQ-HĐQT	25/07/2025	Về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng hạng mục “Máy nén khí cao áp” thuộc Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	100%
142	142/NQ-HĐQT	28/07/2025	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm sử dụng vốn khấu hao cơ bản năm 2025 - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Đợt 3)	100%
143	143/NQ-HĐQT	30/07/2025	Về việc phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán chi phí Sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025, danh mục công trình xây dựng, hạng mục “Nhà trực vận hành sửa chữa Bảo Lộc - Nhà M”	100%
144	144/NQ-HĐQT	01/08/2025	Về việc phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán chi phí Sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025, danh mục công trình xây dựng, hạng mục “Văn phòng làm việc Công ty tại Bảo Lộc - Nhà văn phòng TTDVSC”	100%
145	145/NQ-HĐQT	04/08/2025	Về việc sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh thực hiện Gói thầu lập Báo cáo đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc Dự án thủy điện Đa Nhim mở rộng (Giai đoạn 2)	100%
146	146/NQ-HĐQT	04/08/2025	Về việc phê duyệt dự toán Gói thầu số 10MSHH-SCL-2025: Cung cấp vật tư, thiết bị cho hệ thống báo cháy và chữa cháy H1 và H2 Đa Mi	100%
147	147/NQ-HĐQT	08/08/2025	về việc thông qua ban hành Quy định công tác cán bộ trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
148	148/QĐ-HĐQT	08/08/2025	Về việc ban hành Quy định về công tác cán bộ trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
149	149/NQ-HĐQT	08/08/2025	Về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng hạng mục “Nhà xưởng tại Nhà máy Thủy điện Đa Mi”, thuộc danh mục đầu tư năm 2025	100%
150	150/NQ-HĐQT	08/08/2025	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025 (Đợt 3) - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
151	151/NQ-HĐQT	09/08/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 14XL-SCL-2025: Nhà trực vận hành sửa chữa Bảo Lộc - Nhà M	100%
152	152/NQ-HĐQT	09/08/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 13XL-SCL-2025: Văn phòng làm việc Công ty tại Bảo Lộc - Nhà Văn phòng Trung tâm Dịch vụ sửa chữa	100%
153	153/NQ-HĐQT	12/08/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu và điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 10MSHH-SCL-2025: Cung cấp vật tư, thiết bị cho hệ thống báo cháy và chữa cháy máy phát H1 và H2 Đa Mi	100%
154	154/NQ-HĐQT	13/08/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 8 năm 2025	100%
155	155/NQ-HĐQT	14/08/2025	Về việc phê duyệt dự toán Gói thầu số 13MSHH-KHCB-2025: Cung cấp dụng cụ và máy thí nghiệm	100%
156	156/NQ-HĐQT	14/08/2025	Về việc phê duyệt dự toán Gói thầu số 14MSHH-KHCB-2025: Cung cấp máy nén khí cao áp cho Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	100%
157	157/NQ-HĐQT	14/08/2025	Về việc phê duyệt chủ trương ký hợp đồng trực tiếp Thuê đơn vị tổ chức điều dưỡng, phục hồi chức năng lao động năm 2025 cho CB.CNV Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
158	158/NQ-HĐQT	15/08/2025	Về việc phê duyệt chủ trương ký hợp đồng trực tiếp Gói thầu: Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV Công ty năm 2025	100%
159	159/NQ-HĐQT	19/08/2025	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm sử dụng vốn khấu hao cơ bản năm 2025, hạng mục Hệ thống móc quan trắc chuyển vị và đường bảo hòa thấm trong thân đập, công trình Thủy điện Đa Nhim	100%
160	160/NQ-HĐQT	21/08/2025	Về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng Hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Đa Mi	100%
161	161/NQ-HĐQT	21/08/2025	Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hạng mục Thay mới và lắp bổ sung hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
162	162/NQ-HĐQT	21/08/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu số 12MSHH-KHCB-2025: Cung cấp máy chụp ảnh nhiệt	100%
163	163/NQ-HĐQT	21/08/2025	Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận	100%
164	164/NQ-HĐQT	22/08/2025	Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng Hệ thống chữa cháy tự động cho MBA T1 Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi	100%
165	165/NQ-HĐQT	25/08/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 13MSHH-KHCB-2025: Cung cấp dụng cụ và máy thí nghiệm	100%
166	166/NQ-HĐQT	25/08/2025	Về việc kế hoạch điều động cán bộ năm 2025	100%
167	167/NQ-HĐQT	28/08/2025	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (Đợt 4) mua sắm sử dụng vốn khấu hao cơ bản năm 2025 Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
168	168/NQ-HĐQT	29/08/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 8 năm 2025 (lần 2)	100%
169	169/NQ-HĐQT	04/09/2025	Về việc phê duyệt Dự toán Gói thầu số 11MSHH-KHCB-2025: Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị CNTT đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025	100%
170	170/NQ-HĐQT	04/09/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 14MSHH-KHCB-2025: Cung cấp máy nén khí cao áp	100%
171	171/NQ-HĐQT	04/09/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 12MSHH-KHCB-2025: Cung cấp máy chụp ảnh nhiệt	100%
172	172/NQ-HĐQT	04/09/2025	Về việc phê duyệt Dự toán Gói thầu số 16MSHH-KHCB-2025: Cung cấp, lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận, Đa Mi và Điện mặt trời Đa Mi	100%
173	173/NQ-HĐQT	10/09/2025	Về việc phê duyệt sử dụng nguồn vốn SXKD chi hỗ trợ các địa phương năm 2025	100%
174	174/NQ-HĐQT	10/09/2025	Về việc phê duyệt Danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2026	100%
175	175/NQ-HĐQT	10/09/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 16MSHH-KHCB-2025: Cung cấp, lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy Nhà máy	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			Thủy điện Hàm Thuận, Đa Mi và Điện mặt trời Đa Mi	
176	176/NQ-HĐQT	10/09/2025	Về việc thông qua chủ trương thuê chuyên gia tư vấn	100%
177	177/NQ-HĐQT	15/09/2025	Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cơ cấu nhân sự trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
178	178/NQ-HĐQT	18/09/2025	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu sử dụng vốn khấu hao cơ bản năm 2025, hạng mục: Nhà xưởng tại Nhà máy Thủy điện Đa Mi	100%
179	179/NQ-HĐQT	18/09/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 01TV-KHCB-2025: Khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật hạng mục Hệ thống mốc quan trắc chuyển vị và đường bão hòa thấm trong thân đập, công trình Thủy điện Đa Nhim	100%
180	180/NQ-HĐQT	18/09/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 9 năm 2025	100%
181	181/NQ-HĐQT	22/09/2025	Về việc phê duyệt điều chỉnh hình thức lựa chọn nhà thầu và E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu 07MSHH-KHCB-2025: Trang bị xe ô tô 16 chỗ ngồi	100%
182	182/NQ-HĐQT	23/09/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 14XL-SCL-2025: Nhà trực vận hành sửa chữa Bảo Lộc - Nhà M	100%
183	183/NQ-HĐQT	28/09/2025	Về việc phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2026, Danh mục: Tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Đa Mi, Hạng mục: Tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Đa Mi	100%
184	184/NQ-HĐQT	28/09/2025	Về việc phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2026, Danh mục: Tổ máy H4 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim, Hạng mục: Tổ máy H4 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	100%
185	185/NQ-HĐQT	28/09/2025	Về việc phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2026, Danh mục: Thiết bị thủy công; Hạng mục: Đường ống áp lực số 2 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	100%
186	186/NQ-HĐQT	01/10/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 13XL-SCL-2025: Văn phòng làm	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			việc Công ty tại Bảo Lộc - Nhà Văn phòng Trung tâm Dịch vụ sửa chữa	
187	187/NQ-HĐQT	01/10/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu và Dự toán gói thầu Gói thầu số 01XL-KHCB-2025: Thi công Nhà xưởng tại Nhà máy Thủy điện Đa Mi	100%
188	188/NQ-HĐQT	02/10/2025	Về việc thông qua dự thảo Phụ lục số 01 của Hợp đồng số 171/2025/HĐ-TĐĐHĐ-TNĐMN ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc: “Kiểm định định kỳ và bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị thuộc hệ thống đo đếm điện năng năm 2025”	100%
189	189/NQ-HĐQT	09/10/2025	Về việc thông qua phương án điều động, bổ nhiệm cán bộ năm 2025	100%
190	190/NQ-HĐQT	09/10/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 11MSHH-KHCB-2025: Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị CNTT đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025	100%
191	191/NQ-HĐQT	09/10/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu 06MSHH-KHCB-2025: Trang bị xe tải gắn cầu 5 tấn	100%
192	192/NQ-HĐQT	09/10/2025	Về việc thông qua việc gia hạn bảo lãnh thanh toán đợt 19 Hợp đồng số 222/TDDHD-NK&PECC3&NKV ngày 08 tháng 07 năm 2015: Giám sát thi công xây lắp Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
193	193/NQ-HĐQT	13/10/2025	Về việc phê duyệt Dự toán Gói thầu số 15TV-KHCB-2025: Kiểm toán quyết toán các hạng mục mua sắm tài sản cố định năm 2024	100%
194	194/QĐ-HĐQT	13/10/2025	Về việc điều động và bổ nhiệm cán bộ	100%
195	195/NQ-HĐQT	15/10/2025	Hợp Hội đồng quản trị - Phiên họp Quý IV năm 2025	100%
196	196/NQ-HĐQT	15/10/2025	Về việc phê duyệt Danh mục các gói thầu sử dụng vốn SXKD năm 2026 triển khai thực hiện LCNT trong Quý IV năm 2025	100%
197	197/NQ-HĐQT	20/10/2025	Về việc phê duyệt Dự toán Gói thầu số 33TVSXKD-2025: Tư vấn đánh giá tình trạng thiết bị trạm phân phối điện 230/110kV Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
198	198/NQ-HĐQT	20/10/2025	Về việc thông qua chủ trương cho Tổng công ty Phát điện 1 sử dụng đất năng lượng và mặt nước các hồ thủy điện do Công ty quản lý để thực hiện đầu tư các dự án nhà máy điện mặt trời và các dự án nguồn điện khác (nếu có)	100%
199	199/NQ-HĐQT	23/10/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 10 năm 2025	100%
200	200/NQ-HĐQT	27/10/2025	Về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu của một số gói thầu thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm sử dụng vốn khấu hao cơ bản năm 2025 - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Đợt 3)	100%
201	201/NQ-HĐQT	28/10/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu: Cung cấp dịch vụ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi năm 2026 - 2028	100%
202	202/NQ-HĐQT	28/10/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu: Cung cấp dịch vụ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc năm 2026 - 2028	100%
203	203/NQ-HĐQT	30/10/2025	Thông qua phương án nhân sự bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
204	204/NQ-HĐQT	30/10/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 15TV-KHCB-2025: Kiểm toán quyết toán các hạng mục mua sắm tài sản cố định năm 2024	100%
205	205/NQ-HĐQT	30/10/2025	Về việc thông qua kiện toàn Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
206	206/NQ-HĐQT	30/10/2025	Về việc phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán chi phí Sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2026, danh mục: Thiết bị thủy công, hạng mục: Đường ống áp lực số 2 Nhà máy Thủy điện Sông Pha	100%
207	207/NQ-HĐQT	31/10/2025	Về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
208	208/NQ-HĐQT	04/11/2025	Về việc phê duyệt chủ trương mua sắm hệ thống bình ắc quy số 01 Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	100%
209	209/NQ-HĐQT	05/11/2025	Về việc thông qua thực hiện trước một số công việc thuộc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026; Chi phí hỗ trợ đền bù, giải phóng mặt bằng dự án Nhà máy điện gió Lợi Hải 2, NMDG Phú Lạc giai đoạn 2 và Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành Dự án Nhà máy điện gió Phú Lạc giai đoạn 2 của Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình	100%
210	210/NQ-HĐQT	05/11/2025	Về việc thông qua ước thực hiện sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty cổ phần phong điện Thuận Bình	100%
211	211/NQ-HĐQT	07/11/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu 07MSHH-KHCB-2025: Trang bị xe ô tô 16 chỗ ngồi	100%
212	212/NQ-HĐQT	10/11/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01XL-KHCB-2025: Thi công Nhà xưởng tại Nhà máy Thủy điện Đa Mi	100%
213	213/NQ-HĐQT	10/11/2025	Thông qua phương án bổ nhiệm lại cán bộ	100%
214	214/NQ-HĐQT	12/11/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 11 năm 2025	100%
215	215/NQ-HĐQT	13/11/2025	Về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh - đầu tư xây dựng năm 2026 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
216	216/NQ-HĐQT	14/11/2025	Về việc thông qua kiện toàn Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty và Tổ thư ký trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty	100%
217	217/NQ-HĐQT	14/11/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu Cung cấp dịch vụ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi năm 2026 - 2028	100%
218	218/NQ-HĐQT	14/11/2025	Về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu Cung cấp dịch vụ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc năm 2026 - 2028	100%
219	219/NQ-HĐQT	17/11/2025	Về việc thông qua kết quả xét thi đua khen thưởng năm 2025 đối với các chức danh do Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi bổ nhiệm, xét duyệt	
220	220/QĐ-HĐQT	18/11/2025	Về việc thôi nhiệm vụ Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty	100%
221	221/QĐ-HĐQT	18/11/2025	Về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty	100%
222	222/QĐ-HĐQT	18/11/2025	Về việc kiện toàn Tổ thư ký trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
223	223/NQ-HĐQT	18/11/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 11 năm 2025 (lần 2)	100%
224	224/NQ-HĐQT	27/11/2025	Về việc phê duyệt điều chỉnh Dự toán gói thầu số 33TVSXKD-2025: Tư vấn đánh giá tình trạng thiết bị trạm phân phối điện 230/110kV Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	100%
225	225/NQ-HĐQT	27/11/2025	Về việc phê duyệt Dự toán gói thầu Vệ sinh cảnh quan các khu vực thuộc quản lý của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi năm 2026	100%
226	226/NQ-HĐQT	03/12/2025	Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy thủy điện Đa Nhim mở rộng (Giai đoạn 2)	100%
227	227/NQ-HĐQT	05/12/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 12 năm 2025	100%
228	228/QĐ-HĐQT	09/12/2025	Về việc bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
229	229/NQ-HĐQT	10/12/2025	Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại cán bộ	100%
230	230/NQ-HĐQT	10/12/2025	Về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung Phương án kỹ thuật và dự toán chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025 Danh mục: Công trình xây dựng Hạng mục: Nhà trực vận hành sửa chữa Bảo Lộc - Nhà M	100%
231	231/NQ-HĐQT	10/12/2025	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 1) sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2026 Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
232	232/NQ-HĐQT	11/12/2025	Về việc thông qua sửa đổi bổ sung, ban hành Quy định công tác cán bộ trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
233	624/QĐ-TĐDHD	12/12/2025	Về việc ban hành Quy định về công tác cán bộ trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
234	233/NQ-HĐQT	12/12/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 11MSHH-KHCB-2025: Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị CNTT đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025	100%
235	234/NQ-HĐQT	15/12/2025	Về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	100%
236	235/NQ-HĐQT	20/12/2025	Về việc thông qua sửa đổi bổ sung Quy định quản lý chi tiêu nội bộ của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
237	236/NQ-HĐQT	23/12/2025	Về việc phê duyệt giá trị tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tín dụng tháng 12 năm 2025 lần 2	100%
238	237/NQ-HĐQT	24/12/2025	Về việc chi trả cổ tức tạm ứng năm 2025 bằng tiền	100%
239	238/NQ-HĐQT	24/12/2025	Về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung Phương án kỹ thuật và dự toán chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2025 Danh mục: Công trình xây dựng Hạng mục: Văn phòng làm việc Công ty tại Bảo Lộc - Nhà Văn phòng Trung tâm Dịch vụ sửa chữa	100%
240	239/NQ-HĐQT	25/12/2025	Về việc triển khai chương trình an sinh xã hội ủng hộ đồng bào các xã tỉnh Lâm Đồng khắc phục hậu quả mưa lũ	100%
241	240/NQ-HĐQT	30/12/2025	Về việc thông qua chủ trương, kế hoạch điều động, bổ nhiệm, phương án bổ nhiệm lại cán bộ trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
242	241/NQ-HĐQT	31/12/2025	Thông qua phương án nhân sự bổ nhiệm cán bộ	100%

BÁO CÁO

Về kết quả hoạt động năm 2025 của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ngày 26/4/2024;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ban hành lần 03 theo Quyết định số 08/QĐ-BKS ngày 03/5/2024.

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về tình hình hoạt động năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Giới thiệu về Công ty

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Công ty) là đơn vị quản lý vận hành các nhà máy điện gồm nhà máy thủy điện Đa Nhim, Đa Nhim mở rộng, Sông pha, Hàm Thuận và Đa Mi với tổng công suất lắp đặt 722,5MW và Nhà máy điện mặt trời Đa Mi với công suất lắp đặt 47,5MWp. Một số thông tin chính của Công ty:

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI.

- Mã chứng khoán: DNH, giao dịch trên sàn giao dịch UPCoM.

- Vốn điều lệ: 4.224.000.000.000 đồng.

- Số lượng cổ phiếu phát hành: 422.400.000 cổ phiếu.

- Công ty con: Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha (HSC).

- Công ty liên kết: Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình (TBW).

- Cổ đông lớn: Tổng công ty Phát điện 1 chiếm 99,93%.

2. Ban kiểm soát

Thành phần Ban kiểm soát năm 2025 gồm có:

- Bà Đinh Hải Ninh Trưởng Ban

- Ông Đặng Văn Minh Thành viên

- Ông Phạm Viết Kỳ

Thành viên

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

1. Thực hiện công tác kiểm soát

- Ban kiểm soát (BKS) đã thực hiện 03 đợt kiểm soát tập trung định kỳ và thực hiện kiểm soát thường xuyên thông qua hệ thống D-Office để rà soát các hoạt động của Công ty, đạt 100% kế hoạch với tinh thần làm việc trung thực, cẩn trọng, khách quan, vì lợi ích của Công ty và các cổ đông, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty, cụ thể như sau:

Đợt kiểm soát	Thời gian	Nội dung kiểm soát
Đợt 1	Từ ngày 18/8/2025 đến ngày 21/8/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) trong 6 tháng năm 2025. - Tình hình tài chính và công tác kế toán trong 6 tháng năm 2025. - Tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn (SCL), mua sắm tài sản cố định (TSCĐ) năm 2025. - Thẩm tra báo cáo tài chính (BCTC) bán niên 2025
Đợt 2	Từ ngày 22/12/2025 đến ngày 26/12/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025. - Kiểm tra công tác đấu thầu, thực hiện các hợp đồng trong năm 2025. - Xem xét tình hình tài chính, công tác kế toán năm 2025. - Các nội dung khác liên quan đến hoạt động của Công ty.
Đợt 3 (thực hiện online)	Các ngày 02, 30, 31/3/2026 và 01/4/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm tra quyết toán tiền lương thực hiện năm 2025 của Công ty - Thẩm tra BCTC và thẩm định đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp năm 2025. - Xem xét kết quả thực hiện SXKD, đầu tư xây dựng và đầu tư phát triển năm 2025. - Thực hiện báo cáo, tờ trình của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

- Kết thúc các đợt kiểm soát, Ban kiểm soát thống nhất các nội dung, kết quả làm việc trong đó có đánh giá tình hình và kết quả thực hiện, nêu các vấn đề tồn tại và một số khuyến nghị với Công ty.

2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã tiến hành họp 04 lần để thống nhất kết quả các đợt kiểm soát, thẩm tra báo cáo quyết toán quỹ tiền lương năm 2025, thẩm tra BCTC, thẩm định kết quả xếp loại doanh nghiệp và các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. Kết quả các cuộc họp của Ban kiểm soát như sau:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ tán thành
1	Bà Đinh Hải Ninh	4/4	100%	100%
2	Ông Đặng Văn Minh	4/4	100%	100%
3	Ông Phạm Viết Kỳ	4/4	100%	100%

3. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm 2025. Thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

III. KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư

1.1. Hoạt động sản xuất điện

a) Sản lượng điện

Tổng sản lượng điện sản xuất và tổng sản lượng điện thương phẩm thực hiện cao hơn kế hoạch do tình hình thủy văn thuận lợi, lưu lượng nước về các hồ Đơn Dương và hồ Hàm Thuận cao hơn kế hoạch dự kiến.

STT	Chỉ tiêu	KH 2025	TH 2025	TH/KH
1	Sản lượng điện sản xuất (Tr.kWh)	2.879,6	3.202,70	111%
2	Sản lượng điện thương phẩm (Tr.kWh)	2.860,2	3.184,2	111%

b) Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật

Công ty thực hiện tốt các chỉ tiêu Kinh tế-Kỹ thuật theo kế hoạch được giao. Trong năm không xảy ra tai nạn lao động, cháy nổ, đảm bảo an toàn trong sản xuất kinh doanh.

STT	Chỉ tiêu	TH 2025	KH 2025	Đánh giá (Đ/KĐ)
1	Tỷ lệ điện tự dùng (%)	0,58	0,69	Đạt
2	Hệ số khả dụng (%)	95,96	93,84	Đạt
3	Tỷ lệ dừng máy sự cố (%)	0,0011	0,50 (mùa lũ: 0%)	Đạt
4	Tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng (%)	4,04	5,66	Đạt

1.2. Công tác bảo dưỡng sửa chữa tài sản cố định

- Kế hoạch SCL năm 2025 có 14 danh mục với tổng giá trị là 53.283 triệu đồng.
- Kết quả thực hiện cơ bản hoàn thành kế hoạch năm, góp phần đảm bảo an toàn, ổn định trong hoạt động sản xuất. Tuy nhiên giá trị thực hiện thanh toán trong năm là 12.433 triệu đồng (tương đương 23,3% kế hoạch) chủ yếu là do:

+ Tiết giảm chi phí trong quá trình thực hiện và lựa chọn nhà thầu 12.891 triệu đồng, tương đương 24% giá trị kế hoạch.

+ Danh mục Hệ thống điều tốc và kích từ tổ máy H1 Đa Mi, hệ thống kích từ H2 Đa Mi (giá trị kế hoạch là 24.019 triệu đồng, tương đương 45% tổng giá trị kế hoạch năm): Công ty điều chỉnh thời gian ngừng máy sửa chữa để ưu tiên tận dụng vận hành khai thác hạn chế xả tràn trong đợt mưa lũ tháng 11/2025 nên được nghiệm thu hoàn thành trong tháng 1/2026

+ Danh mục Nhà trực vận hành sửa chữa Bảo Lộc - Nhà M chưa đủ điều kiện thanh toán trong năm 2025 và chuyển sang Quý I năm 2026.

1.3. Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025: Các chỉ tiêu doanh thu, chi phí, lợi nhuận đều vượt kế hoạch, cụ thể:

STT	Nội dung	KH 2025	TH 2025	TH/KH
1	Tổng doanh thu (tr.đồng)	1.967.510	2.281.134	116%
2	Tổng chi phí (tr.đồng)	1.161.725	1.183.746	102%
3	Tổng LNTT (tr.đồng)	805.785	1.097.388	136%
4	LN sau thuế (tr.đồng)	644.628	883.160	137%

- Ban kiểm soát đánh giá kết quả thực hiện như trên phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

1.4. Công tác đầu tư

a) Công tác đầu tư xây dựng

Đối với dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim, dự án đã hoàn thành và đưa vào vận hành 80MW ngày 12/8/2021. Đến nay việc tranh chấp Hợp đồng xây dựng với nhà thầu xây dựng liên quan chậm tiến độ đường hầm dẫn nước chưa xử lý dứt điểm:

- Sau khi khởi kiện Công ty cổ phần Xây dựng 47 tại VIAC ngày 04/10/2024, đến ngày 24/11/2025, VIAC đã gửi Thư số 4604/VIAC về Phán quyết đối với vụ tranh chấp số 254/24HCM. Theo đó, Hội đồng trọng tài (HĐTT) xác định việc khởi kiện đã hết thời hiệu nên HĐTT không có cơ sở để xem xét các yêu cầu khởi kiện của Công ty ĐHD.

- Ngày 19/12/2025, Công ty đã phối hợp với đơn vị tư vấn pháp lý nộp đơn tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu hủy phán quyết của HĐTT đối với vụ tranh chấp số 254/24HCM. Dự kiến ngày 23/4/2026, Tòa án sẽ mở phiên tòa xem xét yêu cầu nêu trên. Đến thời điểm báo cáo chưa có phán quyết của Tòa án, Công ty đang tiếp tục theo dõi và phối hợp với đơn vị tư vấn pháp lý tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

b) Công tác mua sắm tài sản cố định

Trong năm 2025, kế hoạch mua sắm TSCĐ gồm có 31 danh mục với tổng giá trị là 38.906,8 triệu đồng. Giá trị thực hiện giải ngân là 23.578 triệu đồng (đạt 60,6% kế hoạch). Giá trị thực hiện giải ngân thấp do tiết giảm trong đấu thầu và một số hạng mục

chuyển tiếp sang năm 2026. Cụ thể:

- Các danh mục đã hoàn thành trong năm nhưng chưa đủ điều kiện quyết toán trong năm 2025 và chuyển sang năm 2026:

+ Hệ thống báo cháy và chữa cháy Nhà máy Hàm Thuận, Đa Mi, điện mặt trời Đa Mi: Hoàn thành lắp đặt và nghiệm thu trong năm 2025, cơ quan PCCC ra văn bản chấp thuận nghiệm thu ngày 14/01/2026. Do đó trong năm 2025 thanh toán 90% giá trị hợp đồng, thanh toán 10% còn lại và hoàn tất quyết toán trong quý I/2026.

+ Xe ô tô 16 chỗ: Đã thực hiện hợp đồng mua sắm trong năm 2025 và quyết toán hoàn thành trong quý I/2026

- Hai (02) danh mục thực hiện nhiều năm gồm: (1) Hệ thống quan trắc chuyển vị và đường bão hòa thấm trong thân đập - Công trình thủy điện Đa Nhim; (2) Hệ thống điều tốc 4 tổ máy Đa Nhim đã triển khai công tác LCNT, chưa tạm ứng hợp đồng cho nhà thầu trong năm 2025.

- Ba (03) danh mục với tổng giá trị vốn kế hoạch là 3.889,8 triệu đồng (tương đương 10% kế hoạch) chưa hoàn thành trong năm 2025 đúng kế hoạch và chuyển tiếp sang năm 2026 như sau:

+ Máy nén khí cao áp: Thực hiện Hợp đồng mua sắm từ tháng 10/2025, hoàn thành Quý I/2026.

+ Ca nô: Thực hiện Hợp đồng mua sắm từ tháng 9/2025, hoàn thành Quý I/ 2026.

+ Hệ thống AC-DC 2: Charger 220VDC Nhà máy Thủy điện Đa Nhim mở rộng thực hiện Hợp đồng mua sắm từ tháng 10/2025, dự kiến hoàn thành Quý II/2026.

Từ kết quả thực hiện như trên cho thấy tiến độ thực hiện mua sắm TSCĐ còn chậm, có ba (03) danh mục thuộc kế hoạch đăng ký mới năm 2025 gồm: Máy nén khí cao áp, Ca nô, Hệ thống AC-DC 2 **chưa** hoàn thành trong năm 2025 theo kế hoạch.

2. Kết quả thực hiện phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã triển khai chi trả cổ tức và phân phối các quỹ theo đúng Nghị quyết số 88/NQ-HĐQT ngày 30/5/2025 của ĐHĐCĐ thường niên.

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	KH (ĐHĐCĐ)	THỰC HIỆN
1	Lợi nhuận chưa phân phối	930.031	930.031
2	Lợi nhuận phân phối	921.870	921.870
a	Phân phối các quỹ	34.830	34.830
b	Chia cổ tức bằng tiền 21%	887.040	887.040
3	Lợi nhuận để lại: (3)=(1)-(2)	8.161	8.161

3. Kết quả thực hiện lựa chọn kiểm toán báo cáo tài chính

Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán cho

Báo cáo tài chính năm 2025 đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

4. Thực hiện tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

- Kết quả thực hiện tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị (HĐQT) và BKS như sau:

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Tiền lương, thù lao	KH 2025	TH 2025	TH/KH
1	Tiền lương, thù lao HĐQT	1.142.999	1.371.596	120%
2	Tiền lương, thù lao Ban kiểm soát	995.398	1.194.472	120%

- Tiền lương, thù lao thực hiện cao hơn kế hoạch do lợi nhuận và hiệu quả SXKD năm 2025 đạt kết quả cao so với kế hoạch, phù hợp theo quy định hiện hành.

IV. GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Giao dịch giữa Công ty và công ty con

- Trong năm 2025 Công ty ĐHD đã ký với Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha (công ty con) 04 hợp đồng với tổng giá trị sau thuế là 1.592 triệu đồng.

- Quá trình thực hiện ký kết các Hợp đồng, HĐQT có Nghị quyết chấp thuận thông qua các hợp đồng trước khi ký kết đầy đủ theo quy định.

2. Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

Không có

V. VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Công ty đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo quy định pháp luật.

VI. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Hội đồng quản trị

- Về thực hiện quyền và nghĩa vụ: HĐQT đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ; đồng thời thực hiện vai trò quản trị, chỉ đạo hoạt động của Công ty phù hợp với mục tiêu và phương hướng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Về kết quả hoạt động: HĐQT đã tổ chức ĐHĐCĐ thường niên ngày 30/5/2025 đúng quy định; đồng thời tổ chức các cuộc họp định kỳ và ban hành 242 nghị quyết, quyết định theo thẩm quyền nhằm kịp thời chỉ đạo, xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền trong quá trình hoạt động của Công ty. Các quyết nghị của HĐQT tạo cơ sở để Ban Tổng giám đốc triển khai nhiệm vụ SXKD và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ giao, góp phần duy trì hoạt động của Công ty ổn định, hiệu quả và lành mạnh.

2. Ban Tổng giám đốc Công ty

- Về thực hiện quyền và nghĩa vụ: Ban Tổng giám đốc đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty; tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ; chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định, quy chế quản lý có liên quan.

- Về kết quả thực hiện năm 2025: Công tác quản lý điều hành đảm bảo hệ thống công trình, thiết bị vận hành an toàn, ổn định; đồng thời các hoạt động Công ty có hiệu quả và hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch, trong đó lợi nhuận sau thuế đạt 137% kế hoạch năm. Ngoài ra, qua các cuộc thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền trong năm 2025, Công ty không có phát hiện vi phạm, không có kiến nghị xử lý vi phạm.

VII. KẾT QUẢ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát có sự phối hợp tốt với HĐQT và Ban Tổng giám đốc; được tiếp nhận các thông tin, tài liệu theo quy định và tham dự các cuộc họp quản lý, điều hành định kỳ và các cuộc họp quan trọng của HĐQT và Ban Tổng giám đốc để nắm bắt tình hình hoạt động công ty.

VIII. KẾT QUẢ THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Đánh giá chung

BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2025 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Kết quả thẩm tra

- BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2025 đã được lập theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Số liệu của các BCTC phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty.

- Trên cơ sở các chỉ tiêu tài chính của BCTC riêng và BCTC hợp nhất, Ban kiểm soát nhận thấy tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, đảm bảo khả năng trả nợ, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

- Ban kiểm soát thống nhất với BCTC năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY).

IX. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, TỒN TẠI

Bên cạnh những kết quả đạt được trong năm 2025, trong quá trình hoạt động Công ty vẫn còn một số khó khăn, tồn tại nhất định cần tiếp tục được quan tâm xử lý trong thời gian tới, cụ thể như sau:

1. Ảnh hưởng thời tiết diễn biến phức tạp

- Trong năm 2025, tình hình thời tiết tại khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, xuất

hiện một số đợt mưa lũ lớn và bất thường. Đặc biệt, trong năm đã xảy ra đợt lũ đặc biệt lớn tại hồ Đôn Dương diễn ra trong tháng 11/2025 gây khó khăn cho công tác vận hành xả lũ, đe dọa đến an toàn công trình cũng như khu vực hạ du.

- Trong bối cảnh đó, Công ty đã chủ động phối hợp các cấp chính quyền triển khai các phương án vận hành điều tiết xả lũ, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quy trình, quy định của cơ quan quản lý nhà nước; thực hiện xả lũ kịp thời, qua đó đảm bảo an toàn công trình và không để xảy ra thiệt hại về người tại khu vực hạ du. Tuy nhiên, tình hình mưa lũ đã gây sạt lở, hư hại một số hạng mục công trình làm phát sinh chi phí khắc phục, sửa chữa.

2. Vướng mắc Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim

- Đến nay, một số nội dung liên quan đến dự án vẫn chưa được xử lý dứt điểm, trong đó việc xác định nguyên nhân và trách nhiệm của các bên liên quan đối với việc chậm tiến độ thi công đường hầm dẫn nước kéo dài chưa được các bên thống nhất.

- Hiện nay Công ty đang thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến tranh chấp hợp đồng với Công ty cổ phần Xây dựng 47; nội dung vụ việc đang được các cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

3. Công tác mua sắm tài sản cố định chậm so với kế hoạch

Kết quả thực hiện mua sắm TSCĐ từ năm 2021 đến năm 2025 như sau:

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
KH vốn (tr.đồng)	26.995	51.781	164.512	36.695	38.907
- Vốn KHCB	16.143	16.143	146.724	36.695	38.907
- Vốn ĐTPT	10.852	35.638	17.788	-	-
TH giải ngân (tr.đồng)	6.200	8.321	112.825	13.852	23.578
- Vốn KHCB	-	-	98.410	13.852	23.578
- Vốn ĐTPT	6.200	8.321	14.415	-	-
Tỷ lệ TH/KH	23,0%	16,1%	68,6%	37,7%	60,6%

Theo đó, tỷ lệ thực hiện giải ngân/kế hoạch vốn hàng năm còn thấp do tiến độ thực hiện một số danh mục còn chậm so với kế hoạch và phải chuyển tiếp sang năm tiếp theo.

X. KIẾN NGHỊ

1. Về công tác vận hành và quản lý công trình

Công ty tiếp tục nâng cao công tác dự báo và đánh giá rủi ro trong vận hành hồ chứa mùa mưa lũ.

2. Về các tồn tại của Dự án mở rộng Nhà máy thủy điện Đa Nhim

- Đối với các tồn tại dự án: Công ty tiếp tục phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền và các bên liên quan để xử lý theo đúng quy định pháp luật;

- Đối với tranh chấp hợp đồng với Công ty cổ phần Xây dựng 47: Công ty tiếp tục

củng cố hồ sơ pháp lý và phối hợp với đơn vị tư vấn pháp lý trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng số 368/DHD-CC47 nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

3. Về công tác mua sắm TSCĐ

Công ty xem xét, rà soát việc lập kế hoạch và tổ chức mua sắm để đảm bảo việc thực hiện mua sắm các danh mục hoàn thành đúng kế hoạch tiến độ được giao nhằm tránh tình trạng chậm trễ lặp lại trong các năm tiếp theo.

XI. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Phương hướng hoạt động Ban kiểm soát trong năm 2026 như sau:

1. Tiếp tục triển khai các công tác kiểm soát định kỳ và đột xuất (nếu có), theo chương trình, kế hoạch đề ra và thay mặt cổ đông thường xuyên kiểm soát các hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
2. Giám sát việc chấp hành Quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Quy chế, Quy định, Nghị quyết, Quyết định, v.v.. trong các hoạt động của Công ty.
3. Giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2026; giám sát và đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, tài chính, việc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
4. Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành.
5. Thẩm tra báo cáo tài chính, kết quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp.
6. Thẩm tra quỹ tiền lương, xác định quỹ tiền lương thực hiện
7. Giám sát việc công bố thông tin, đảm bảo đầy đủ, kịp thời cho cổ đông và các bên có liên quan.
8. Kiểm tra, kiểm soát đột xuất theo chuyên đề khi có ý kiến yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm soát năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát, kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- EVNGENCO1 (để b/c);
- Ban KTGS EVNGENCO1;
- HĐQT, Ban TGD Công ty;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đinh Hải Ninh

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ngày 26/4/2024;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ban hành lần 03 theo Quyết định số 08/QĐ-BKS ngày 03/5/2024;

Căn cứ Quyết định số 3830/QĐ-BTC ngày 14/11/2025 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho đơn vị kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026.

Để lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty phù hợp với yêu cầu của các bên tài trợ vốn cho các dự án đầu tư xây dựng, đồng thời thuộc danh sách tổ chức kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt các nội dung sau:

1. Phê duyệt danh sách các tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty như sau:

STT	Danh sách công ty kiểm toán	Địa chỉ
1	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	Tầng 46, Keangnam Landmark 72, đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa, TP.Hà Nội
2	Công ty TNHH PwC Việt Nam	Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, TP.HCM
3	Công ty TNHH Deloitte Việt Nam	Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, Số 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, TP.Hà Nội

STT	Danh sách công ty kiểm toán	Địa chỉ
4	Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam	Số 2, Đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, TP.HCM

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các Công ty kiểm toán trong danh sách trên để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- EVNGENCO1;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đinh Hải Ninh

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2024;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo các chỉ số cơ bản của báo cáo tài chính năm 2025 như sau:

I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
1	Tài sản ngắn hạn	2.440.051	2.799.334
2	Tài sản dài hạn	4.724.748	4.307.622
	Tổng cộng tài sản	7.164.799	7.106.956
3	Nợ phải trả	2.017.708	2.083.055
4	Nguồn vốn chủ sở hữu	5.147.091	5.023.901
	Tổng cộng nguồn vốn	7.164.799	7.106.956

2. Các chỉ tiêu cơ bản của Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025

- Tổng doanh thu: 2.281.134 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 1.183.746 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 1.097.388 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 883.160 triệu đồng.

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
1	Tài sản ngắn hạn	2.457.646	2.820.600
2	Tài sản dài hạn	5.020.115	4.602.641
	Tổng cộng tài sản	7.477.761	7.423.241
3	Nợ phải trả	2.212.493	2.244.650
4	Nguồn vốn chủ sở hữu	5.208.742	5.116.987
5	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	56.526	61.604
	Tổng cộng nguồn vốn	7.477.761	7.423.241

2. Các chỉ tiêu cơ bản của Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025

- Tổng doanh thu: 2.380.748 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 1.242.719 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 1.138.029 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 922.724 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát: 7.673 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ: 915.051 triệu đồng.

Chi tiết trình bày tại Báo cáo tài chính đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- HCLD;
- Lưu: VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Quang

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future
with confidence**



**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim –
Hàm Thuận – Đa Mi**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 37



Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") là một công ty cổ phần, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 7 tháng 10 năm 2011. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng (nay là Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 5800452036 vào ngày 7 tháng 10 năm 2011 và các lần điều chỉnh sau đó, với lần gần nhất là lần thứ 10 vào ngày 7 tháng 7 năm 2022.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã cổ phiếu là DNH.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại 80A Trần Phú, phường B'laho, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch
Ông Đặng Văn Cường	Thành viên
Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng ban
Ông Đặng Văn Minh	Thành viên
Ông Phạm Viết Kỳ	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Văn Cường	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Minh Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Đặng Văn Cường, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có một công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng kèm theo Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 31 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

12-C.T.
Y
I
OUNG
AM
5 CHIM

2
T
H
N D
TH
A N
AM



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 13682981/69180003

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 28 của báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty có một dự án điện mặt trời đang được các cấp có thẩm quyền thực hiện rà soát lại các điều kiện hưởng giá bán điện theo cơ chế giá khuyến khích. Theo đó, giá bán điện mà Công ty đang được áp dụng có thể bị ảnh hưởng. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty chưa nhận được bất kỳ kết luận chính thức nào của các cấp có thẩm quyền liên quan tới vấn đề nêu trên. Do đó, Công ty chưa ghi nhận bất kỳ ảnh hưởng nào (nếu có) lên báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Mạnh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2023-004-1

Nguyễn Quý Mạnh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4482-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.799.334.554.314	2.440.051.444.187
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	683.558.248.566	600.676.489.720
111	1. Tiền		9.558.248.566	9.427.172.790
112	2. Các khoản tương đương tiền		674.000.000.000	591.249.316.930
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	1.370.000.000.000	930.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.370.000.000.000	930.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		736.493.065.564	895.791.848.872
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	698.150.485.383	860.146.668.929
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		7.320.433.119	4.736.864.756
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	33.107.496.495	33.245.938.220
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(2.085.349.433)	(2.337.623.033)
140	IV. Hàng tồn kho	9	8.047.087.919	13.432.866.637
141	1. Hàng tồn kho		8.047.087.919	13.432.866.637
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.236.152.265	150.238.958
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	360.134.532	150.238.958
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		876.017.733	-

08
CÔ
T
NST
TIE
PH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.307.621.646.819	4.724.747.787.138
220	I. Tài sản cố định		3.954.945.804.527	4.295.398.644.745
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	3.954.778.048.980	4.295.137.471.583
222	Nguyên giá		14.958.074.524.245	14.939.601.502.705
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(11.003.296.475.265)	(10.644.464.031.122)
227	2. Tài sản cố định vô hình		167.755.547	261.173.162
228	Nguyên giá		2.026.804.686	2.335.628.057
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.859.049.139)	(2.074.454.895)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		6.924.320.494	12.032.167.083
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	6.924.320.494	12.032.167.083
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	249.439.200.000	319.439.200.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		112.000.000.000	112.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		100.079.200.000	100.079.200.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.360.000.000	37.360.000.000
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	70.000.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		96.312.321.798	97.877.775.310
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	20.883.204.609	25.975.684.523
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	9	75.429.117.189	71.902.090.787
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.106.956.201.133	7.164.799.231.325

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.083.055.173.932	2.017.708.372.452
310	I. Nợ ngắn hạn		1.041.768.482.657	914.452.676.236
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	69.807.884.668	72.672.662.118
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		351.992.382	574.703.982
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	190.651.129.554	173.306.838.456
314	4. Phải trả người lao động		54.927.454.058	25.485.080.701
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	10.121.728.962	10.648.742.743
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	591.809.396.887	508.465.171.333
320	7. Vay ngắn hạn	18	104.218.506.520	100.480.322.540
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	19.880.389.626	22.819.154.363
330	II. Nợ dài hạn		1.041.286.691.275	1.103.255.696.216
338	1. Vay dài hạn	18	1.041.286.691.275	1.103.255.696.216
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.023.901.027.201	5.147.090.858.873
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	5.023.901.027.201	5.147.090.858.873
411	1. Vốn cổ phần		4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		499.939.667.271	499.939.667.271
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		299.961.359.930	423.151.191.602
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		8.161.467.602	24.116.423.386
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		291.799.892.328	399.034.768.216
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.106.956.201.133	7.164.799.231.325

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

lephong



Lê Xuân Phong
Người lập

Ngô Thế Long
Kế toán trưởng

Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi

B02-DN

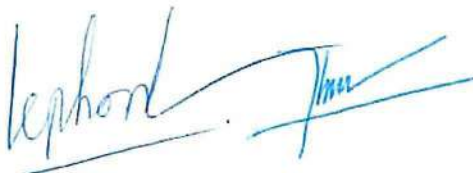
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu phát điện và cung cấp dịch vụ	21.1	2.199.099.793.099	2.008.218.681.839
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần phát điện và cung cấp dịch vụ	21.1	2.199.099.793.099	2.008.218.681.839
11	4. Giá vốn phát điện và dịch vụ cung cấp	22	(1.039.089.708.696)	(953.485.620.000)
20	5. Lợi nhuận gộp về phát điện và cung cấp dịch vụ		1.160.010.084.403	1.054.733.061.839
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	81.689.856.594	152.454.626.815
22	7. Chi phí tài chính	23	(75.417.400.181)	(30.373.561.915)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(29.055.289.740)	(30.097.788.674)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(69.220.800.969)	(74.275.546.833)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.097.061.739.847	1.102.538.579.906
31	10. Thu nhập khác		344.631.125	1.625.182.877
32	11. Chi phí khác		(18.140.153)	(338.514.701)
40	12. Lãi khác		326.490.972	1.286.668.176
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.097.388.230.819	1.103.825.248.082
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(214.228.338.491)	(197.910.479.866)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		883.159.892.328	905.914.768.216

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Lê Xuân Phong
Người lập

Ngô Thế Long
Kế toán trưởng




Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		1.097.388.230.819	1.103.825.248.082
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		365.745.480.647	365.007.332.907
03	(Hoàn nhập dự phòng)/ Các khoản dự phòng		(252.273.600)	317.409.338
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		46.258.047.942	(25.993.614.572)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(78.421.016.976)	(121.398.251.321)
06	Chi phí lãi vay		29.055.289.740	30.097.788.674
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.459.773.758.572	1.351.855.913.108
09	Giảm các khoản phải thu		157.544.262.834	317.038.074.576
10	Giảm hàng tồn kho		1.858.752.316	6.120.747.794
11	Tăng các khoản phải trả		62.638.792.840	1.644.079.452
12	Giảm chi phí trả trước		4.882.584.340	10.064.051.724
14	Tiền lãi vay đã trả		(29.582.303.521)	(31.168.030.767)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(231.742.479.866)	(170.428.539.606)
16	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		736.926.000	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(38.505.414.737)	(49.329.727.321)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.387.604.878.778	1.435.796.568.960
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(23.165.199.077)	(89.118.492.088)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		232.350.279	-
23	Tiền chi gửi tiền có kỳ hạn		(1.300.000.000.000)	(970.000.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		930.000.000.000	869.932.824.894
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		79.319.443.038	131.297.137.569
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(313.613.405.760)	(57.888.529.625)

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
34	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Tiền trả nợ gốc vay		(104.071.835.968)	(99.947.483.835)
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(887.040.000.000)	(1.203.840.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(991.111.835.968)	(1.303.787.483.835)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		82.879.637.050	74.120.555.500
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		600.676.489.720	526.550.425.763
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.121.796	5.508.457
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	683.558.248.566	600.676.489.720

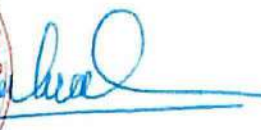
Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026









Lê Xuân Phong
Người lập

Ngô Thế Long
Kế toán trưởng

Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") là một công ty cổ phần, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 7 tháng 10 năm 2011. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng (nay là Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 5800452036 vào ngày 7 tháng 10 năm 2011 và các lần điều chỉnh sau đó, với lần gần nhất là lần thứ 10 vào ngày 7 tháng 7 năm 2022.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã cổ phiếu là DNH.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại 80A Trần Phú, phường B'lao, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 222 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 240 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 1 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1 công ty con), thông tin chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	70%	70%	Thôn Lâm Hòa, xã Lâm Sơn, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh điện năng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty cũng có 1 công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 12.2.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 31 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

2.6 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	8 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 năm

3.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng hoặc phân bổ tối đa không quá 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên đối chiếu và xác nhận sản lượng đầu ra hàng tháng giữa bên mua và bên bán, với giá được quy định trong hợp đồng mua bán điện.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	154.605.201	551.815.214
Tiền gửi ngân hàng	9.403.643.365	8.875.357.576
Các khoản tương đương tiền (*)	674.000.000.000	591.249.316.930
TỔNG CỘNG	683.558.248.566	600.676.489.720

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tuần đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 0,2%/năm đến 2,4%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: kỳ hạn từ 1 tuần đến 1 tháng với lãi suất từ 0,2%/năm đến 2,1%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,4%/năm đến 4,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 2,9%/năm đến 4,9%/năm). Khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.1.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 27)	695.516.509.480	857.336.249.992
Phải thu từ các bên khác	2.633.975.903	2.810.418.937
TỔNG CỘNG	698.150.485.383	860.146.668.929
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.085.349.433)	(2.337.623.033)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi	30.139.336.981	21.270.113.322
Cổ tức được chia	1.289.534.500	11.929.534.500
Khác	1.678.625.014	46.290.398
TỔNG CỘNG	33.107.496.495	33.245.938.220
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn các bên khác	30.177.961.995	21.316.403.720
Phải thu ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 27)	2.929.534.500	11.929.534.500

8. NỢ XẤU

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện Hời Xuân VNECO	1.303.257.033	-	1.543.893.615	240.636.582
Công ty Cổ phần Đầu tư HDP Tân Lộc	212.843.322	-	662.843.322	262.843.322
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Damb'ri	465.050.000	-	465.050.000	-
Công ty TNHH Thủy điện Sông Liên	238.632.000	134.432.922	338.632.000	169.316.000
TỔNG CỘNG	2.219.782.355	134.432.922	3.010.418.937	672.795.904

9. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn				
Vật tư và công cụ, dụng cụ	7.630.681.455	-	12.933.999.175	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	416.406.464	-	498.867.462	-
TỔNG CỘNG	8.047.087.919	-	13.432.866.637	-
Dài hạn				
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	75.429.117.189	-	71.902.090.787	-
TỔNG CỘNG	75.429.117.189	-	71.902.090.787	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VND					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	9.026.593.349.463	5.774.607.718.065	80.698.298.185	57.484.756.485	217.380.507	14.939.601.502.705
- Mua mới	3.961.722.370	17.950.275.648	3.095.469.789	-	-	25.007.467.807
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	393.085.052	-	-	-	393.085.052
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.653.142.372)	(1.630.323.577)	(2.536.152.940)	-	(6.819.618.889)
- Tăng/(giảm) khác	(207.116.180)	98.218.821	-	984.929	-	(107.912.430)
- Phân loại lại	336.727.778	(336.727.778)	-	-	-	-
Số cuối năm	9.030.684.683.431	5.790.059.427.436	82.163.444.397	54.949.588.474	217.380.507	14.958.074.524.245
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	1.415.317.482.161	2.371.353.606.920	47.617.476.836	47.826.324.524	217.380.507	3.882.332.270.948
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	5.642.228.431.628	4.883.286.591.361	64.851.724.894	53.879.902.732	217.380.507	10.644.464.031.122
- Khấu hao trong năm	196.172.339.442	164.406.044.382	3.267.248.763	1.806.430.445	-	365.652.063.032
- Phân loại lại	33.582.262	(33.582.262)	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.653.142.372)	(1.630.323.577)	(2.536.152.940)	-	(6.819.618.889)
Số cuối năm	5.838.434.353.332	5.045.005.911.109	66.488.650.080	53.150.180.237	217.380.507	11.003.296.475.265
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	3.384.364.917.835	891.321.126.704	15.846.573.291	3.604.853.753	-	4.295.137.471.583
Số cuối năm	3.192.250.330.099	745.053.516.327	15.674.794.317	1.799.408.237	-	3.954.778.048.980

Một số tài sản cố định hữu hình đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	5.146.927.019	8.812.074.273
Sửa chữa lớn tài sản cố định	915.069.116	2.818.281.437
Các công trình khác	862.324.359	401.811.373
TỔNG CỘNG	6.924.320.494	12.032.167.083

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.1)	112.000.000.000	-	112.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.2)	100.079.200.000	-	100.079.200.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.3)	37.360.000.000	-	37.360.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	70.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	249.439.200.000	-	319.439.200.000	-

12.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết thông tin về công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được trình bày tại Thuyết minh số 1. Cổ phiếu của công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa thể trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một công ty liên kết, như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích của Công ty	Quyền biểu quyết của Công ty
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình ("Công ty Thuận Bình")	Thôn Lạc Trị, Xã Liên Hương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng	20%	20%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.3 Đầu tư vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	24.560.000.000	120.344.000.000	24.560.000.000	149.328.095.100
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	12.800.000.000	56.192.000.000	12.800.000.000	73.984.000.000
TỔNG CỘNG	37.360.000.000	176.536.000.000	37.360.000.000	223.312.095.100

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch của cổ phiếu của các công ty này tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán trên sàn UPCOM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	360.134.532	150.238.958
TỔNG CỘNG	360.134.532	150.238.958
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	10.608.957.818	15.013.690.560
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.521.224.652	3.495.926.750
Khác	8.753.022.139	7.466.067.213
TỔNG CỘNG	20.883.204.609	25.975.684.523

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả nhà cung cấp	58.696.565.015	58.696.565.015	65.671.909.798	65.671.909.798
- Công ty Cổ phần Xây dựng 47	15.792.020.817	15.792.020.817	15.792.020.817	15.792.020.817
- Nippon Koei Ltd	11.240.625.847	11.240.625.847	10.792.730.043	10.792.730.043
- Công ty TNHH Nippon Koei Việt Nam International	9.847.518.480	9.847.518.480	9.847.518.480	9.847.518.480
- Khác	21.816.399.871	21.816.399.871	29.239.640.458	29.239.640.458
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	11.111.319.653	11.111.319.653	7.000.752.320	7.000.752.320
TỔNG CỘNG	69.807.884.668	69.807.884.668	72.672.662.118	72.672.662.118

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	8.370.688.522	166.599.133.935	(145.492.475.254)	29.477.347.203
Thuế thu nhập doanh nghiệp	111.192.479.865	214.228.338.491	(231.742.479.866)	93.678.338.490
Thuế thu nhập cá nhân	3.367.904.300	6.376.592.972	(9.211.155.027)	533.342.245
Thuế tài nguyên	22.792.924.257	339.259.745.258	(330.024.205.743)	32.028.463.772
Thuế khác	27.582.841.512	143.464.987.884	(136.114.191.552)	34.933.637.844
TỔNG CỘNG	173.306.838.456	869.928.798.540	(852.584.507.442)	190.651.129.554

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	10.121.728.962	10.648.742.743
TỔNG CỘNG	10.121.728.962	10.648.742.743

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	591.360.000.000	506.880.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	449.396.887	1.585.171.333
TỔNG CỘNG	591.809.396.887	508.465.171.333
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn khác	591.545.085.775	1.044.229.729
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	264.311.112	507.420.941.604

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn							
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.1)	100.480.322.540	100.480.322.540	105.912.186.884	(104.071.835.968)	1.897.833.064	104.218.506.520	104.218.506.520
TỔNG CỘNG	100.480.322.540	100.480.322.540	105.912.186.884	(104.071.835.968)	1.897.833.064	104.218.506.520	104.218.506.520
Vay dài hạn							
Vay dài hạn (Thuyết minh số 18.1)	1.103.255.696.216	1.103.255.696.216	-	(105.912.186.884)	43.943.181.943	1.041.286.691.275	1.041.286.691.275
	1.103.255.696.216	1.103.255.696.216	-	(105.912.186.884)	43.943.181.943	1.041.286.691.275	1.041.286.691.275
TỔNG CỘNG	1.203.736.018.756	1.203.736.018.756	105.912.186.884	(209.984.022.852)	45.841.015.007	1.145.505.197.795	1.145.505.197.795

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn được trình bày như sau:

Đối tượng	Số cuối năm		Lãi suất/năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ			
Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	701.049.302.450	4.005.996.014 JPY	1,11% - 1,6%	Đáo hạn vào ngày 20 tháng 1 năm 2039. Trả gốc từng phần và lãi 6 tháng/lần.	Tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản hiện hữu của Nhà máy Thủy điện Đa Nhim với công suất lắp máy 160MW và Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim với công suất lắp máy 80 MW của Công ty. Khoản vay được bảo lãnh trả nợ vay bởi Tổng Công ty Phát điện 1 - Công ty mẹ của Công ty.
Ngân hàng Phát triển Châu Á	444.455.895.345	16.848.214 USD	Lãi suất tham chiếu được quy định trong hợp đồng cộng biên độ từ 2,5%. Lãi suất áp dụng trong năm là 2,5% - 5,4%.	Đáo hạn vào ngày 15 tháng 9 năm 2034. Trả gốc từng phần và lãi 6 tháng/lần.	Các khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam như trình bày ở Thuyết minh số 5. Tài sản cố định là các tấm pin mặt trời, máy biến tần và trạm biến áp của dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi.
TỔNG CỘNG	1.145.505.197.795				
Trong đó:					
- Vay dài hạn đến hạn trả	104.218.506.520				
- Vay dài hạn	1.041.286.691.275				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	4.224.000.000.000	499.939.667.271	435.842.728.511	5.159.782.395.782
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	905.914.768.216	905.914.768.216
- Cổ tức công bố	-	-	(865.920.000.000)	(865.920.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(52.686.305.125)	(52.686.305.125)
Số cuối năm	4.224.000.000.000	499.939.667.271	423.151.191.602	5.147.090.858.873
Năm nay				
Số đầu năm	4.224.000.000.000	499.939.667.271	423.151.191.602	5.147.090.858.873
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	883.159.892.328	883.159.892.328
- Cổ tức công bố (i)	-	-	(380.160.000.000)	(380.160.000.000)
- Tạm ứng cổ tức (ii)	-	-	(591.360.000.000)	(591.360.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(34.829.724.000)	(34.829.724.000)
Số cuối năm	4.224.000.000.000	499.939.667.271	299.961.359.930	5.023.901.027.201

- (i) Theo các Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty đã công bố chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông và trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2024.
- (ii) Theo Nghị Quyết số 237/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 12 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền với số tiền là 591.360.000.000 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Vốn cổ phần đã phát hành

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Tổng Công ty Phát điện 1	4.221.031.000.000	4.221.031.000.000	-	4.221.031.000.000	4.221.031.000.000	-
Các cổ đông khác	2.969.000.000	2.969.000.000	-	2.969.000.000	2.969.000.000	-
TỔNG CỘNG	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000	-	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000	-

19.3 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	971.520.000.000	865.920.000.000
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2025:		
1.400 VND/cổ phiếu	591.360.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2024: 200 VND/cổ phiếu	84.480.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2024: 700 VND/cổ phiếu	295.680.000.000	-
Tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2024: 1.200 VND/cổ phiếu	-	506.880.000.000
Cổ tức bằng tiền cho năm 2023: 850 VND/cổ phiếu	-	359.040.000.000
Cổ tức đã trả trong năm	887.040.000.000	1.203.840.000.000
Cổ tức bằng tiền cho năm 2024: 1.200 VND/cổ phiếu	506.880.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2024: 200 VND/cổ phiếu	84.480.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2024: 700 VND/cổ phiếu	295.680.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2023: 2.850 VND/cổ phiếu	-	1.203.840.000.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12	-	84.480.000.000
Cổ tức bằng tiền cho năm 2024: 200 VND/cổ phiếu	-	84.480.000.000

19.4 Cổ phiếu

	Số lượng (cổ phiếu)	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu đăng ký phát hành	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu đang lưu hành	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	422.400.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	22.819.154.363	19.462.576.559
Trích lập thêm trong năm	34.829.724.000	52.686.305.125
Tăng khác	736.926.000	-
Sử dụng trong năm	(38.505.414.737)	(49.329.727.321)
Số cuối năm	19.880.389.626	22.819.154.363

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu phát điện và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.199.099.793.099	2.008.218.681.839
Trong đó:		
Doanh thu phát điện	2.192.060.326.287	2.004.452.607.641
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.642.547.291	3.766.074.198
Doanh thu khác	396.919.521	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	2.199.099.793.099	2.008.218.681.839
Trong đó:		
Doanh thu với các bên khác	5.385.224.622	2.355.264.198
Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh số 27)	2.193.714.568.477	2.005.863.417.641

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	50.510.528.697	54.718.238.080
Cổ tức, lợi nhuận được chia	27.678.138.000	66.680.013.241
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.501.189.897	31.056.375.494
TỔNG CỘNG	81.689.856.594	152.454.626.815

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. GIÁ VỐN PHÁT ĐIỆN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện	1.033.136.545.020	950.254.343.046
Giá vốn dịch vụ cung cấp	5.808.024.451	3.231.276.954
Giá vốn khác	145.139.225	-
TỔNG CỘNG	1.039.089.708.696	953.485.620.000

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	29.055.289.740	30.097.788.674
Lỗ chênh lệch tỷ giá	46.362.110.441	275.773.241
TỔNG CỘNG	75.417.400.181	30.373.561.915

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	39.475.244.256	41.467.434.241
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.216.345.197	2.633.021.137
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.676.909.366	9.240.020.653
Chi phí khác	18.852.302.150	20.935.070.802
TỔNG CỘNG	69.220.800.969	74.275.546.833

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	134.204.099.325	124.107.646.932
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	365.745.480.647	365.007.332.907
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.171.257.904	53.155.737.458
Chi phí khác	557.107.210.791	485.646.653.708
TỔNG CỘNG	1.108.228.048.667	1.027.917.371.005

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% (năm 2024: 20%) cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trừ ưu đãi thuế cho hoạt động kinh doanh sản xuất điện năng tại các dự án sau:

- Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim: miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2019) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2023). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho dự án này trong năm là 10%.
- Dự án Điện mặt trời Đa Mi: hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động (năm 2019), miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2019) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2023). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong năm là 5%.

26.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	214.228.338.491	197.910.479.866
TỔNG CỘNG	214.228.338.491	197.910.479.866

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.097.388.230.819	1.103.825.248.082
Thuế TNDN áp dụng cho Công ty	219.477.646.164	220.765.049.616
Các khoản điều chỉnh (giảm)/tăng:		
Cổ tức được chia	(5.535.627.600)	(13.336.002.648)
Ưu đãi thuế TNDN	(100.615.960)	(9.821.578.760)
Các khoản khác	386.935.887	303.011.658
Chi phí thuế TNDN	214.228.338.491	197.910.479.866

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất
Tổng Công ty Phát điện 1	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	Công ty con
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty trong cùng Tập đoàn

Thông tin chi tiết về các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được trình bày tại mục Thông tin chung.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Mua dịch vụ	3.736.985.158	4.143.032.782
Tổng Công ty Phát điện 1	Cổ tức đã trả	886.416.510.000	1.202.993.835.000
	Chia cổ tức	379.892.790.000	865.311.355.000
	Thu tiền cho vay	-	799.932.824.894
	Lãi cho vay	-	28.539.825.564
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Doanh thu về phát điện	2.192.060.704.892	2.004.452.607.641
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Cổ tức được chia	1.920.000.000	7.456.000.000
	Cổ tức đã nhận	1.920.000.000	6.816.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Cổ tức được chia	5.158.138.000	18.025.113.241
	Cổ tức đã nhận	5.158.138.000	22.138.728.296
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Cổ tức được chia	15.000.000.000	29.998.900.000
	Cổ tức đã nhận	25.000.000.000	19.998.900.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	Doanh thu về phát điện và cung cấp dịch vụ	1.653.863.585	1.410.810.000
	Cổ tức được chia	5.600.000.000	11.200.000.000
	Cổ tức đã nhận	5.600.000.000	11.200.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản theo thỏa thuận hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa thực hiện trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)</i>			
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bán điện	695.516.509.480	857.336.249.992
TỔNG CỘNG		695.516.509.480	857.336.249.992
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</i>			
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Cổ tức được chia	1.289.534.500	1.289.534.500
Tổng Công ty Phát điện 1	Phải thu về chi hộ	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Cổ tức được chia	640.000.000	640.000.000
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Cổ tức được chia	-	10.000.000.000
TỔNG CỘNG		2.929.534.500	11.929.534.500
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)</i>			
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	Phải trả phí tư vấn, khảo sát	10.707.000.371	4.438.908.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Phải trả phí tư vấn, khảo sát	404.319.282	2.561.844.320
TỔNG CỘNG		11.111.319.653	7.000.752.320
<i>Phải trả khác ngắn hạn (Thuyết minh số 17)</i>			
Tổng Công ty Phát điện 1	Phải trả cổ tức	-	506.972.330.802
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Mua dịch vụ	264.311.112	448.610.802
TỔNG CỘNG		264.311.112	507.420.941.604

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch HĐQT	884.982.885	978.848.581
Ông Đặng Văn Cường	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	858.118.094	943.424.350
Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	767.620.926	843.854.486
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc	1.044.890.054	1.136.076.033
TỔNG CỘNG		3.555.611.959	3.902.203.450

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng Ban Kiểm soát	131.760.000	168.910.272
Ông Phạm Viết Kỳ	Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách	948.122.648	1.054.469.539
Ông Đặng Văn Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	126.264.000	161.872.344
TỔNG CỘNG		1.206.146.648	1.385.252.155

28. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty đã ký kết một số hợp đồng thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, cam kết về các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Dưới 1 năm	3.036.701.051	3.036.701.051
Từ 1 - 5 năm	12.146.804.203	12.146.804.203
Trên 5 năm	56.639.320.552	59.679.424.372
TỔNG CỘNG	71.822.825.806	74.862.929.626

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Nghĩa vụ hoàn trả mặt bằng

Công ty đang có một số hợp đồng thuê đất trực tiếp từ Nhà nước để phục vụ cho các dự án năng lượng của Công ty. Theo như các điều khoản trong hợp đồng thuê đất này, việc giải quyết tài sản gắn liền tại các địa điểm thuê sau khi kết thúc hợp đồng này được thực hiện theo quy định pháp luật. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng này, Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ tháo dỡ công trình, khôi phục và giải phóng mặt bằng liên quan đến các dự án năng lượng là chưa chắc chắn. Do đó, Công ty chưa ghi nhận các khoản nghĩa vụ này do chưa thể ước tính một cách đáng tin cậy.

Nghĩa vụ tiềm tàng khác

Công ty đang sở hữu Dự án Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi ("Dự án") tại xã Đồng Kho, tỉnh Lâm Đồng. Dự án đã được công nhận ngày vận hành điện thương mại là ngày 4 tháng 6 năm 2019 và được chấp nhận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Theo Báo cáo số 321/BC-BCT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Công Thương về triển khai Nghị quyết của Chính phủ về chủ trương, phương hướng tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho các dự án điện năng lượng tái tạo, Dự án của Công ty đã được đề cập trong danh sách một số nhà máy được công nhận ngày vận hành thương mại và hưởng giá bán điện theo cơ chế giá khuyến khích đối với các dự án điện mặt trời khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình xây dựng của chủ đầu tư.

Theo Nghị quyết số 17/NQ-CP được ban hành ngày 26 tháng 1 năm 2026, Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan trung ương và địa phương khẩn trương tổ chức triển khai tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài. Tiếp theo, Bộ Công thương đã ban hành Văn bản số 881/BCT-ĐT ngày 09 tháng 02 năm 2026, chỉ đạo việc thực hiện chủ trương của Nghị quyết của Chính Phủ như trên.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám Đốc của Công ty chưa nhận được bất kỳ kết luận chính thức nào của các cấp có thẩm quyền liên quan tới vấn đề được đề cập trong các tài liệu nêu trên. Theo đó, Ban Giám Đốc của Công ty chưa ghi nhận bất kỳ ảnh hưởng nào (nếu có) của vấn đề này trên báo cáo tài chính riêng kèm theo.

3118C
NG T
TNHH
T & Y
ET N

HỒ HỒ

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Lê Xuân Phong
Người lập

Ngô Thế Long
Kế toán trưởng

Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc



EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future
with confidence**



Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 40

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") là một công ty cổ phần, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 7 tháng 10 năm 2011. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng (nay là Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 5800452036 vào ngày 7 tháng 10 năm 2011 và các lần điều chỉnh sau đó, với lần gần nhất là lần thứ 10 vào ngày 7 tháng 7 năm 2022.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã cổ phiếu là DNH.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại 80A Trần Phú, phường B'lao, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch
Ông Đặng Văn Cường	Thành viên
Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng Ban
Ông Đặng Văn Minh	Thành viên
Ông Phạm Viết Kỳ	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Văn Cường	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Minh Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Văn Cường, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.


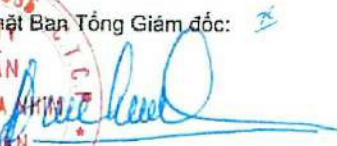
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 13682981/69180003-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") và công ty con, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 29 của báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, Công ty có một dự án điện mặt trời đang được các cấp có thẩm quyền rà soát lại các điều kiện hưởng giá bán điện theo cơ chế giá khuyến khích. Theo đó giá bán điện mà Công ty đang được áp dụng tại dự án này có thể bị ảnh hưởng. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa nhận được bất kỳ kết luận chính thức nào của các cấp có thẩm quyền liên quan tới vấn đề nêu trên. Do đó, Công ty chưa ghi nhận bất kỳ ảnh hưởng nào (nếu có) lên báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Mạnh Hùng
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2023-004-1

Nguyễn Quý Mạnh
Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4482-2023-004-1

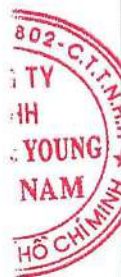
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.820.600.507.517	2.457.645.874.852
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	691.122.028.395	604.583.867.007
111	1. Tiền		9.614.990.695	9.934.550.077
112	2. Các khoản tương đương tiền		681.507.037.700	594.649.316.930
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.370.308.400.000	930.200.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	1.370.308.400.000	930.200.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		748.097.034.476	908.079.273.402
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	709.610.555.095	871.600.090.421
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		7.450.254.519	5.569.016.294
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	33.121.574.295	33.247.789.720
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(2.085.349.433)	(2.337.623.033)
140	IV. Hàng tồn kho	9	9.303.950.583	14.410.440.031
141	1. Hàng tồn kho		9.303.950.583	14.410.440.031
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.769.094.063	372.294.412
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	893.076.330	372.294.412
153	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		876.017.733	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.602.640.845.135	5.020.114.791.568
220	I. Tài sản cố định		4.290.803.685.265	4.653.179.202.713
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	4.290.635.929.718	4.652.918.029.551
222	Nguyên giá		15.506.587.834.670	15.488.065.013.130
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(11.215.951.904.952)	(10.835.146.983.579)
227	2. Tài sản cố định vô hình		167.755.547	261.173.162
228	Nguyên giá		2.026.804.686	2.335.628.057
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.859.049.139)	(2.074.454.895)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		6.924.320.494	12.032.167.083
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	6.924.320.494	12.032.167.083
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	200.563.931.435	250.975.979.980
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		163.203.931.435	143.615.979.980
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.360.000.000	37.360.000.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	70.000.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		104.348.907.941	103.927.441.792
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	26.946.742.790	30.060.428.550
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	9	77.402.165.151	73.867.013.242
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.423.241.352.652	7.477.760.666.420

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.244.650.116.343	2.212.493.304.552
310	I. Nợ ngắn hạn		1.066.956.645.608	935.126.828.876
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	70.148.247.242	72.932.339.765
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		351.992.382	574.703.982
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	194.236.962.712	176.851.612.970
314	4. Phải trả người lao động		55.960.804.654	26.256.092.216
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	10.121.728.962	11.223.292.743
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	592.109.396.887	508.665.171.333
320	7. Vay ngắn hạn	18	123.935.827.224	115.493.643.244
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	20.091.685.545	23.129.972.623
330	II. Nợ dài hạn		1.177.693.470.735	1.277.366.475.676
338	1. Vay dài hạn	18	1.177.693.470.735	1.277.366.475.676
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.178.591.236.309	5.265.267.361.868
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	5.178.591.236.309	5.265.267.361.868
411	1. Vốn cổ phần		4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		501.180.626.722	501.180.626.722
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		391.806.767.238	483.560.619.194
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		68.115.584.394	87.681.439.639
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		323.691.182.844	395.879.179.555
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		61.603.842.349	56.526.115.952
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.423.241.352.652	7.477.760.666.420

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Lê Xuân Phong
Người lập biểu

Ngô Thế Long
Kế toán trưởng

Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu phát điện và cung cấp dịch vụ	21.1	2.284.689.908.294	2.080.599.352.666
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về phát điện và cung cấp dịch vụ	21.1	2.284.689.908.294	2.080.599.352.666
11	4. Giá vốn phát điện và dịch vụ cung cấp	22	(1.081.410.232.297)	(993.655.561.349)
20	5. Lợi nhuận gộp về phát điện và cung cấp dịch vụ		1.203.279.675.997	1.086.943.791.317
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	61.125.652.793	111.263.671.117
22	7. Chi phí tài chính	23	(87.920.978.677)	(46.099.610.183)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(41.558.868.236)	(45.823.836.942)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	12	34.587.951.455	29.843.029.903
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(73.369.644.247)	(78.383.273.196)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.137.702.657.321	1.103.567.608.958
31	11. Thu nhập khác		344.631.125	1.625.182.877
32	12. Chi phí khác		(18.140.153)	(338.514.701)
40	13. Lợi nhuận khác		326.490.972	1.286.668.176
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.138.029.148.293	1.104.854.277.134
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(215.305.105.852)	(198.580.691.249)

1180
NG T
TNHH
T & Y
TN
HỒ

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

B02-DN/HN



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		922.724.042.441	906.273.585.885
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		915.051.182.844	902.759.179.555
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		7.672.859.597	3.514.406.330
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	2.166	2.054
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	28	2.166	2.054

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Lê Xuân Phong
Người lập biểu

Ngô Thế Long
Kế toán trưởng



Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		1.138.029.148.293	1.104.854.277.134
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		387.717.957.877	386.950.051.420
03	(Hoàn nhập dự phòng)/các khoản dự phòng		(252.273.600)	317.409.338
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		46.258.047.942	(25.993.614.572)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(92.444.764.630)	(110.050.325.526)
06	Chi phí lãi vay	23	41.558.868.236	45.823.836.942
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.520.866.984.118	1.401.901.634.736
09	Giảm các khoản phải thu		158.234.944.752	344.858.627.212
10	Giảm hàng tồn kho		1.571.337.539	6.169.839.468
11	Tăng các khoản phải trả		62.702.345.949	7.386.522.601
12	Giảm chi phí trả trước		2.592.903.842	9.543.286.583
14	Tiền lãi vay đã trả		(42.085.882.017)	(48.456.435.291)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(233.073.267.684)	(171.051.772.541)
16	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh khác		736.926.000	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(39.255.381.078)	(50.450.568.922)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.432.290.911.421	1.499.901.133.846
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(23.214.999.077)	(94.180.092.431)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		232.350.279	-
23	Tiền chi gửi tiền có kỳ hạn		(1.300.108.400.000)	(970.200.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		930.000.000.000	869.932.824.894
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức lợi nhuận được chia		73.748.012.937	90.325.684.713
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(319.343.035.861)	(104.121.582.824)

T.T.N.H.
G
MINH

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền trả nợ gốc vay		(137.071.835.968)	(118.947.483.835)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(889.340.000.000)	(1.208.440.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(1.026.411.835.968)	(1.327.387.483.835)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		86.536.039.592	68.392.067.187
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		604.583.867.007	536.186.291.363
61	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.121.796	5.508.457
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	691.122.028.395	604.583.867.007

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Lê Xuân Phong
Người lập biểu



Ngô Thế Long
Kế toán trưởng




Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc

581
C
C
ỦY DI
H
Đ
TH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") là một công ty cổ phần, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 7 tháng 10 năm 2011. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng (nay là Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 5800452036 vào ngày 7 tháng 10 năm 2011 và các lần điều chỉnh sau đó, với lần gần nhất là lần thứ 10 vào ngày 7 tháng 7 năm 2022.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã cổ phiếu là DNH.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại 80A Trần Phú, phường B'lao, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 222 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 240 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 1 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1 công ty con), trong đó:

<i>STT</i>	<i>Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	70%	70%	Thôn Lâm Hòa, xã Lâm Sơn, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh điện năng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 1 công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh 12.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và công ty con là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty và công ty con là VND.

2.5 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	8 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 năm

3.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và công ty con. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con, sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hoặc phân bổ tối đa không quá 3 năm.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và công ty con.

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên đối chiếu và xác nhận sản lượng đầu ra hàng tháng giữa bên mua và bên bán, với giá được quy định trong hợp đồng mua bán điện.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty và công ty con được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty và công ty con là sản xuất và kinh doanh điện năng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và công ty con sản xuất ra hoặc do Công ty và công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty và công ty con chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty và công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và công ty con cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

08114
ÔNG
TNH
ST & Y
ET N
YỐ H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	196.816.862	755.375.069
Tiền gửi ngân hàng	9.418.173.833	9.179.175.008
Các khoản tương đương tiền (*)	681.507.037.700	594.649.316.930
TỔNG CỘNG	691.122.028.395	604.583.867.007

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tuần đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 0,2%/năm đến 2,4%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: kỳ hạn từ 1 tuần đến 1 tháng với lãi suất từ 0,2%/năm - 2,1%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,4%/năm đến 4,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 2,9%/năm đến 4,9%/năm). Khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.1.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 27)	706.976.579.192	868.789.206.454
Phải thu từ khách hàng khác	2.633.975.903	2.810.883.967
TỔNG CỘNG	709.610.555.095	871.600.090.421
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.085.349.433)	(2.337.623.033)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi	30.148.414.781	21.271.964.822
Cổ tức được chia	1.929.534.500	11.929.534.500
Khác	1.043.625.014	46.290.398
TỔNG CỘNG	33.121.574.295	33.247.789.720
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn các bên khác	30.192.039.795	21.318.255.220
Phải thu ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 27)	2.929.534.500	11.929.534.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. NỢ XẤU

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện Hời Xuân VNECO	1.303.257.033	-	1.543.893.615	240.636.582
Công ty Cổ phần Đầu tư HDP Tân Lộc	212.843.322	-	662.843.322	262.843.322
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Damb'ri	465.050.000	-	465.050.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Liên	238.632.000	134.432.922	338.632.000	169.316.000
TỔNG CỘNG	2.219.782.355	134.432.922	3.010.418.937	672.795.904

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Công cụ, dụng cụ	8.887.544.119	-	13.911.572.569	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	416.406.464	-	498.867.462	-
TỔNG CỘNG	9.303.950.583	-	14.410.440.031	-
Dài hạn				
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	77.402.165.151	-	73.867.013.242	-
TỔNG CỘNG	77.402.165.151	-	73.867.013.242	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VND					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	9.320.216.489.313	6.027.629.540.604	81.898.143.094	58.103.459.612	217.380.507	15.488.065.013.130
- Mua mới	3.961.722.370	18.000.075.648	3.095.469.789	-	-	25.057.267.807
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	393.085.052	-	-	-	393.085.052
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.653.142.372)	(1.630.323.577)	(2.536.152.940)	-	(6.819.618.889)
- Tăng/(giảm) khác	(207.116.180)	98.218.821	-	984.929	-	(107.912.430)
- Phân loại lại	336.727.778	(336.727.778)	-	-	-	-
Số cuối năm	9.324.307.823.281	6.043.131.049.975	83.363.289.306	55.568.291.601	217.380.507	15.506.587.834.670
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	1.415.317.482.161	2.371.353.606.920	48.175.985.381	47.826.324.524	217.380.507	3.882.890.779.493
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	5.723.407.669.685	4.991.571.853.394	65.771.057.175	54.179.022.818	217.380.507	10.835.146.983.579
- Khấu hao trong năm	204.996.286.758	177.292.700.600	3.331.382.403	2.004.170.501	-	387.624.540.262
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.653.142.372)	(1.630.323.577)	(2.536.152.940)	-	(6.819.618.889)
- Phân loại lại	33.582.262	(33.582.262)	-	-	-	-
Số cuối năm	5.928.437.538.705	5.166.177.829.360	67.472.116.001	53.647.040.379	217.380.507	11.215.951.904.952
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	3.596.808.819.628	1.036.057.687.210	16.127.085.919	3.924.436.794	-	4.652.918.029.551
Số cuối năm	3.395.870.284.576	876.953.220.615	15.891.173.305	1.921.251.222	-	4.290.635.929.718

Một số tài sản cố định hữu hình đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 18.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	5.146.927.019	8.812.074.273
Sửa chữa lớn tài sản cố định	915.069.116	2.818.281.437
Các công trình khác	862.324.359	401.811.373
TỔNG CỘNG	6.924.320.494	12.032.167.083

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.1)	163.203.931.435	-	143.615.979.980	-
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.2)	37.360.000.000	-	37.360.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	70.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	200.563.931.435	-	250.975.979.980	-

12.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một công ty liên kết, như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích của Công ty	Quyền biểu quyết của Công ty
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Thôn Lạc Trị, xã Liên Hương, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng	20%	20%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này trong năm hiện tại như sau:

Đơn vị tính: VND

Công ty Cổ phần Phong điện
Thuận Bình

Giá trị đầu tư:	
Số đầu năm	100.079.200.000
Số cuối năm	100.079.200.000
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:	
Số đầu năm	43.536.779.980
- Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	34.587.951.455
- Cổ tức được chia trong năm	(15.000.000.000)
Số cuối năm	63.124.731.435
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	143.615.979.980
Số cuối năm	163.203.931.435

Vào ngày 25 tháng 12 năm 2023, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Thông báo kết luận thanh tra về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong quản lý, thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình điện theo Quy hoạch điện VII và Quy hoạch điện VII điều chỉnh ("Thông báo"), trong đó có nêu một số vi phạm của dự án Nhà máy Điện Gió Phú Lạc – Giai đoạn 2 ("Dự án") của Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình ("Công ty Thuận Bình"). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Thuận Bình vẫn chưa nhận được văn bản chính thức nào từ các cơ quan có thẩm quyền liên quan tới vấn đề nêu trên. Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty là không trọng yếu và sẽ tiếp tục cập nhật với các bên hữu quan khi có hướng dẫn từ các cơ quan chức năng.

12.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Thủy điện A								
Vương Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	24.560.000.000	120.344.000.000	3,27	3,27	24.560.000.000	149.328.095.100	3,27	3,27
	12.800.000.000	56.192.000.000	1,03	1,03	12.800.000.000	73.984.000.000	1,03	1,03
TỔNG CỘNG	37.360.000.000	176.536.000.000			37.360.000.000	223.312.095.100		

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch của cổ phiếu của các công ty này tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán trên sàn UPCOM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	893.076.330	372.294.412
TỔNG CỘNG	893.076.330	372.294.412
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	16.385.641.503	18.966.113.400
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.808.079.148	3.628.247.937
Khác	8.753.022.139	7.466.067.213
TỔNG CỘNG	26.946.742.790	30.060.428.550

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả nhà cung cấp	59.036.927.589	59.036.927.589	65.931.587.445	65.931.587.445
- Công ty Cổ phần Xây dựng 47	15.792.020.817	15.792.020.817	15.792.020.817	15.792.020.817
- Nippon Koei Ltd	11.240.625.847	11.240.625.847	10.792.730.043	10.792.730.043
- Công ty TNHH Nippon Koei Việt Nam International	9.847.518.480	9.847.518.480	9.847.518.480	9.847.518.480
- Khác	22.156.762.445	22.156.762.445	29.499.318.105	29.499.318.105
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)	11.111.319.653	11.111.319.653	7.000.752.320	7.000.752.320
TỔNG CỘNG	70.148.247.242	70.148.247.242	72.932.339.765	72.932.339.765

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	9.386.561.346	172.811.436.093	(151.698.592.186)	30.499.405.253
Thuế thu nhập doanh nghiệp	111.605.604.604	215.305.105.852	(233.073.267.684)	93.837.442.772
Thuế thu nhập cá nhân	3.383.449.666	6.710.819.979	(9.552.190.900)	542.078.745
Thuế tài nguyên	24.183.298.662	346.929.915.105	(337.450.859.709)	33.662.354.058
Thuế khác	28.292.698.692	146.921.251.968	(139.518.268.776)	35.695.681.884
TỔNG CỘNG	176.851.612.970	888.678.528.997	(871.293.179.255)	194.236.962.712

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	10.121.728.962	10.648.742.743
Khác	-	574.550.000
TỔNG CỘNG	10.121.728.962	11.223.292.743

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	591.660.000.000	507.080.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	449.396.887	1.585.171.333
TỔNG CỘNG	592.109.396.887	508.665.171.333
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn khác	591.845.085.775	1.244.229.729
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)	264.311.112	507.420.941.604

2-C
Y
I
OUN
AM
CH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn							
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.1)	115.493.643.244	115.493.643.244	125.629.507.588	(119.085.156.672)	1.897.833.064	123.935.827.224	123.935.827.224
TỔNG CỘNG	115.493.643.244	115.493.643.244	125.629.507.588	(119.085.156.672)	1.897.833.064	123.935.827.224	123.935.827.224
Vay dài hạn							
Vay dài hạn (Thuyết minh số 18.1)	1.277.366.475.676	1.277.366.475.676	-	(143.616.186.884)	43.943.181.943	1.177.693.470.735	1.177.693.470.735
	1.277.366.475.676	1.277.366.475.676	-	(143.616.186.884)	43.943.181.943	1.177.693.470.735	1.177.693.470.735
TỔNG CỘNG	1.392.860.118.920	1.392.860.118.920	125.629.507.588	(262.701.343.556)	45.841.015.007	1.301.629.297.959	1.301.629.297.959

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay dài hạn

Đối tượng	Số cuối năm		Lãi suất/năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ			
Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	701.049.302.450	4.005.996.014 JPY	1,11% - 1,6%	Đáo hạn vào ngày 20 tháng 1 năm 2039. Trả gốc từng phần và lãi 6 tháng/lần.	Tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản hiện hữu của Nhà máy Thủy điện Đa Nhim với công suất lắp máy 160MW và Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim với công suất lắp máy 80 MW của Công ty. Khoản vay được bảo lãnh trả nợ vay bởi Tổng Công ty Phát điện 1 - Công ty mẹ của Công ty.
Ngân hàng Phát triển Châu Á	444.455.895.345	16.848.214 USD	Lãi suất tham chiếu được quy định trong hợp đồng cộng biên độ từ 2,5%. Lãi suất áp dụng trong năm là 2,5% - 5,4%.	Đáo hạn vào ngày 15 tháng 9 năm 2034. Trả gốc từng phần và lãi 6 tháng/lần.	Các khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam như trình bày ở Thuyết minh số 5. Tài sản cố định là các tấm pin mặt trời, máy biến tần và trạm biến áp của dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi.
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	156.124.100.164	156.124.100.164 VND	Lãi suất được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng biên độ 2,5%/năm. Lãi suất áp dụng trong năm là 6,7%.	Đáo hạn vào ngày 23 tháng 4 năm 2034. Trả gốc từng phần và lãi 6 tháng/lần.	Tài sản hình thành từ vốn vay của Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 và 2 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha.
TỔNG CỘNG	1.301.629.297.959				
Trong đó:					
- Vay dài hạn đến hạn trả	123.935.827.224				
- Vay dài hạn	1.177.693.470.735				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	4.224.000.000.000	500.620.626.722	500.485.070.048	58.033.420.459	5.283.139.117.229
- Lợi nhuận trong năm	-	-	902.759.179.555	3.514.406.330	906.273.585.885
- Cổ tức đã công bố	-	-	(865.920.000.000)	(4.800.000.000)	(870.720.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(53.203.630.409)	(221.710.837)	(53.425.341.246)
- Trích quỹ quỹ đầu tư phát triển	-	560.000.000	(560.000.000)	-	-
Số cuối năm	4.224.000.000.000	501.180.626.722	483.560.619.194	56.526.115.952	5.265.267.361.868
Năm nay					
Số đầu năm	4.224.000.000.000	501.180.626.722	483.560.619.194	56.526.115.952	5.265.267.361.868
- Lợi nhuận trong năm	-	-	915.051.182.844	7.672.859.597	922.724.042.441
- Cổ tức đã công bố (i)	-	-	(380.160.000.000)	(2.400.000.000)	(382.560.000.000)
- Tạm ứng cổ tức (ii)	-	-	(591.360.000.000)	-	(591.360.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(35.285.034.800)	(195.133.200)	(35.480.168.000)
Số cuối năm	4.224.000.000.000	501.180.626.722	391.806.767.238	61.603.842.349	5.178.591.236.309

(i) Theo các Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty và công ty con đã công bố chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông và trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2024.

(ii) Theo Nghị Quyết số 237/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 12 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền với số tiền là 591.360.000.000 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Tổng Công ty phát điện 1	4.221.031.000.000	4.221.031.000.000	-	4.221.031.000.000	4.221.031.000.000	-
Các cổ đông khác	2.969.000.000	2.969.000.000	-	2.969.000.000	2.969.000.000	-
TỔNG CỘNG	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000	-	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000	-

19.3 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	971.520.000.000	865.920.000.000
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2025:		
1.400 VND/cổ phiếu	591.360.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2024: 200 VND/cổ phiếu	84.480.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2024: 700 VND/cổ phiếu	295.680.000.000	-
Tạm ứng cổ tức bằng tiền cho năm 2024: 1.200 VND/cổ phiếu	-	506.880.000.000
Cổ tức bằng tiền cho năm 2023: 850 VND/cổ phiếu	-	359.040.000.000
Cổ tức đã trả trong năm	887.040.000.000	1.203.840.000.000
Cổ tức bằng tiền cho năm 2024: 1.200 VND/cổ phiếu	506.880.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2024: 200 VND/cổ phiếu	84.480.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2024: 700 VND/cổ phiếu	295.680.000.000	-
Cổ tức bằng tiền cho năm 2023: 2.850 VND/cổ phiếu	-	1.203.840.000.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12	-	84.480.000.000
Cổ tức bằng tiền cho năm 2024: 200 VND/cổ phiếu	-	84.480.000.000

19.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu đang lưu hành	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	422.400.000

Mệnh giá cổ phiếu lưu hành trong năm là 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	23.129.972.623	20.155.200.300
Trích lập thêm trong năm	35.480.168.000	53.425.341.245
Tăng khác	736.926.000	-
Sử dụng trong năm	(39.255.381.078)	(50.450.568.922)
Số cuối năm	20.091.685.545	23.129.972.623

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu phát điện và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.284.689.908.294	2.080.599.352.666
Trong đó:		
Doanh thu phát điện	2.279.304.305.067	2.078.244.088.468
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.988.683.706	2.355.264.198
Doanh thu khác	396.919.521	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	2.284.689.908.294	2.080.599.352.666
Trong đó:		
Doanh thu với bên khác	5.394.040.247	2.355.264.198
Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh số 27)	2.279.295.868.047	2.078.244.088.468

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	50.546.324.896	54.726.182.382
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.078.138.000	25.481.113.241
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.501.189.897	31.056.375.494
TỔNG CỘNG	61.125.652.793	111.263.671.117

22. GIÁ VỐN PHÁT BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện	1.077.110.932.206	991.835.094.395
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.154.160.866	1.820.466.954
Giá vốn khác	145.139.225	-
TỔNG CỘNG	1.081.410.232.297	993.655.561.349

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	41.558.868.236	45.823.836.942
Lỗ chênh lệch tỷ giá	46.362.110.441	275.773.241
TỔNG CỘNG	87.920.978.677	46.099.610.183

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	41.080.754.881	43.102.944.058
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.249.935.129	2.666.611.069
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.243.429.813	9.800.029.838
Chi phí khác	20.795.524.424	22.813.688.231
TỔNG CỘNG	73.369.644.247	78.383.273.196

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	139.241.513.168	128.776.227.752
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	387.717.957.877	386.950.051.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.048.659.820	54.992.703.374
Chi phí khác bằng tiền	574.259.221.031	501.476.056.171
TỔNG CỘNG	1.154.267.351.896	1.072.195.038.717

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và công ty con là 20% (năm 2024: 20%) cho hoạt động sản xuất kinh doanh, ngoại trừ ưu đãi thuế cho hoạt động kinh doanh sản xuất điện năng tại các dự án sau:

- Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim: miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2019) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2023). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong năm là 10%.
- Dự án Điện mặt trời Đa Mi: hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động, miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2019) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2023). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong năm là 5%.
- Dự án Thủy điện Hạ Sông Pha giai đoạn 1: hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh doanh thu (năm 2015), miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2019). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong năm là 5%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

- Dự án Thủy điện Hạ Sông Pha giai đoạn 2: hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên phát sinh doanh thu (năm 2019), miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng (năm 2019) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2023). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này trong năm là 5%.

26.1 Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	215.305.105.852	198.580.691.249
	215.305.105.852	198.580.691.249

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.138.029.148.293	1.104.854.277.134
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	227.605.829.659	220.970.855.427
Các khoản điều chỉnh (giảm)/tăng:		
Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.329.613.342)	(11.831.224.703)
Cổ tức được nhận trong năm	(1.415.627.600)	(5.096.222.648)
Các khoản khác	(637.892.574)	505.889.153
Lãi được chia từ công ty liên kết	(6.917.590.291)	(5.968.605.980)
Chi phí thuế TNDN	215.305.105.852	198.580.691.249

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty và công ty con trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất
Tổng Công ty Phát điện 1	Công ty mẹ
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được trình bày tại mục Thông tin chung.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Mua dịch vụ	3.736.985.158	4.143.032.782
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Doanh thu về phát điện	47.286.977.366	73.791.480.827
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Doanh thu về phát điện	39.948.185.789	-
Tổng Công ty Phát điện 1	Cổ tức đã trả	886.416.510.000	1.202.993.835.000
	Chia cổ tức	379.892.790.000	865.311.355.000
	Thu tiền cho vay	-	799.932.824.894
	Lãi cho vay	-	28.539.825.564
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Doanh thu về phát điện	2.192.060.704.892	2.004.452.607.641
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Cổ tức được chia	5.158.138.000	18.025.113.241
	Nhận cổ tức	5.158.138.000	22.138.728.296
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Cổ tức được chia	1.920.000.000	7.456.000.000
	Cổ tức đã nhận	1.920.000.000	6.816.000.000
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Cổ tức được chia	15.000.000.000	29.998.900.000
	Cổ tức đã nhận	25.000.000.000	19.998.900.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản thỏa thuận theo hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty và công ty con chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)			
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bán điện	695.516.509.480	857.336.249.992
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Bán điện	11.460.069.712	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Bán điện	-	11.452.956.462
TỔNG CỘNG		706.976.579.192	868.789.206.454
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)			
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Cổ tức được chia	1.289.534.500	1.289.534.500
Tổng Công ty Phát điện 1	Phải thu về chi hộ	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Cổ tức được chia	640.000.000	640.000.000
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Cổ tức được chia	-	10.000.000.000
TỔNG CỘNG		2.929.534.500	11.929.534.500
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)			
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	Phải trả phí tư vấn, khảo sát	10.707.000.371	4.438.908.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Phải trả phí tư vấn, khảo sát	404.319.282	2.561.844.320
TỔNG CỘNG		11.111.319.653	7.000.752.320
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)			
Tổng Công ty Phát điện 1	Phải trả cổ tức	-	506.972.330.802
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Mua dịch vụ	264.311.112	448.610.802
TỔNG CỘNG		264.311.112	507.420.941.604

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch HĐQT	884.982.885	978.848.581
Ông Đặng Văn Cường	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	858.118.094	943.424.350
Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	767.620.926	843.854.486
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc	1.044.890.054	1.136.076.033
TỔNG CỘNG		3.555.611.959	3.902.203.450

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng Ban Kiểm soát	131.760.000	168.910.272
Ông Phạm Viết Kỳ	Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách	948.122.648	1.054.469.539
Ông Đặng Văn Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	126.264.000	161.872.344
TỔNG CỘNG		1.206.146.648	1.385.252.155

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	915.051.182.844	902.759.179.555
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(35.285.034.800)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	915.051.182.844	867.474.144.755
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	422.400.000	422.400.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	422.400.000	422.400.000
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	2.166	2.054
- Lãi suy giảm	2.166	2.054

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 88/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Công ty.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được điều chỉnh phần trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

29. CÁC CAM KẾT

Các cam thuê hoạt động

Công ty và công ty con đã ký kết một số hợp đồng thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	3.182.557.761	3.182.557.761
Từ 1 - 5 năm	12.730.231.043	12.730.231.043
Trên 5 năm	61.027.176.577	64.213.137.108
TỔNG CỘNG	76.939.965.381	80.125.925.912

Nghĩa vụ hoàn trả mặt bằng

Công ty và công ty con đang có một số hợp đồng thuê đất trực tiếp từ Nhà nước để phục vụ cho các dự án năng lượng của Công ty và công ty con. Theo như các điều khoản trong hợp đồng thuê đất này, việc giải quyết tài sản gắn liền tại các địa điểm thuê sau khi kết thúc hợp đồng này được thực hiện theo quy định pháp luật. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty và công ty con đánh giá rằng nghĩa vụ tháo dỡ công trình, khôi phục và giải phóng mặt bằng liên quan đến các dự án năng lượng là chưa chắc chắn. Do đó, Công ty và công ty con chưa ghi nhận các khoản nghĩa vụ này do chưa thể ước tính một cách đáng tin cậy.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Nghĩa vụ tiềm tàng khác

Công ty đang sở hữu Dự án Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi ("Dự án") tại xã Đồi Ngai, lũng Lâm Đồng. Dự án đã được công nhận ngày vận hành điện thương mại là ngày 4 tháng 6 năm 2019 và được chấp nhận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Theo Báo cáo số 321/BC-BCT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ Công Thương về triển khai Nghị quyết của Chính phủ về chủ trương, phương hướng tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho các dự án điện năng lượng tái tạo, Dự án của Công ty đã được đề cập trong danh sách một số nhà máy được công nhận ngày vận hành thương mại và hưởng giá bán điện theo cơ chế giá khuyến khích đối với các dự án điện mặt trời khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình xây dựng của chủ đầu tư.

Theo Nghị quyết số 17/NQ-CP được ban hành ngày 26 tháng 1 năm 2026, Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan trung ương và địa phương khẩn trương tổ chức triển khai tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài. Tiếp theo, Bộ Công Thương đã ban hành Văn bản số 881/BCT-ĐT ngày 09 tháng 02 năm 2026, chỉ đạo việc thực hiện chủ trương của Nghị quyết của Chính Phủ như trên.

Tại ngày lập báo cáo tài hợp nhất, Ban Tổng Giám Đốc của Công ty chưa nhận được bất kỳ kết luận chính thức nào của các cấp có thẩm quyền liên quan tới vấn đề được đề cập trong các tài liệu nêu trên. Theo đó, Ban Tổng Giám Đốc của Công ty chưa ghi nhận bất kỳ ảnh hưởng nào (nếu có) của vấn đề này trên báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.

Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Lê Xuân Phong
Người lập biểu

Ngô Thế Long
Kế toán trưởng

Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2024;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ban hành lần 3 kèm theo Quyết định số 95/QĐ-HĐQT ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị Công ty xin ý kiến Đại hội về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
I	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	891.321.359.930
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	883.159.892.328
2	Lợi nhuận năm trước giữ lại	8.161.467.602
II	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	874.181.142.000
1	Phân phối các quỹ	29.381.142.000
	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	29.381.142.000
2	Chia cổ tức bằng tiền	844.800.000.000
a	Tỷ lệ cổ tức	20,0%
b	Cổ tức	844.800.000.000

	<i>Trong đó: đã tạm ứng 14%</i>	<i>591.360.000.000</i>
III	LỢI NHUẬN CÒN LẠI SAU KHI PHÂN PHỐI (III=I-II)	17.140.217.930

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- HCLD;
- Lưu: VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Quang

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của HĐQT, Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2024;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 88/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty như sau:

1. Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025

STT	Nội dung	Số người	Thực hiện (đồng)
I	TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		1.371.596.000
1	Tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	1.031.560.000
2	Thù lao của Thành viên HĐQT không chuyên trách	2	340.036.000
II	TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT		1.194.472.000
1	Thù lao Trưởng Ban Kiểm soát không chuyên trách	1	174.315.000
2	Tiền lương Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách	1	850.139.000
3	Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách	1	170.018.000
	Tổng cộng (I+II)		2.566.068.000

Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng.

2. Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026

STT	Nội dung	Số người	Kế hoạch (đồng)
I	TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		1.536.000.000
1	Tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	1.152.000.000
2	Thù lao của Thành viên HĐQT không chuyên trách	2	384.000.000
II	TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT		1.348.800.000
1	Thù lao Trưởng Ban Kiểm soát không chuyên trách	1	196.800.000
2	Tiền lương Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách	1	960.000.000
3	Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách	1	192.000.000
	Tổng cộng (I+II)		2.884.800.000

Bằng chữ: Hai tỷ tám trăm tám mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phê duyệt quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026 trước ngày 31 tháng 3 năm 2027 và báo cáo ĐHĐCĐ ở kỳ họp gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ TN 2026;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Quang

Số: 159/TTr-TĐĐHĐ

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc đề cử bầu Thành viên Ban Kiểm soát
Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
nhiệm kỳ 2026 - 2031

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Công ty ĐHĐ) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2024;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Văn bản số 682/EVNGENCO1-TCNS của Tổng công ty Phát điện 1 ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc cử lại nhân sự tham gia Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi;

Nhiệm kỳ hiện tại (2021 - 2026) của ông Phạm Viết Kỳ - Thành viên Ban kiểm soát Công ty sẽ kết thúc vào ngày họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2026;

Căn cứ Điều 37 Điều lệ Công ty hiện hành và trên cơ sở giới thiệu của cổ đông EVNGENCO1 (chiếm 99,93%) về nhân sự tham gia Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031, Hội đồng quản trị Công ty ĐHĐ kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua danh sách đề cử bầu Thành viên Ban Kiểm soát Công ty ĐHĐ nhiệm kỳ 2026 - 2031:

Ông Phạm Viết Kỳ - Thành viên Ban kiểm soát Công ty ĐHĐ tiếp tục ứng cử chức danh Thành viên Ban kiểm soát Công ty ĐHĐ nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua để tiến hành bầu cử theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Văn Quang